

ĐẠI THỪA NGHĨA CHƯƠNG

QUYỂN 20 (Phần Đầu)

PHÂN PHÁP TỊNH TRONG QUẢ PHÁP

- Có bảy phần:

- 1- Nghĩa năm phần Pháp Thân
- 2- Nghĩa năm thứ mắt
- 3- Nghĩa sáu thông
- 4- Nghĩa mười lực
- 5- Nghĩa mười hiệu
- 6- Nghĩa mười tám pháp bất cộng
- 7- Nghĩa một trăm bốn mươi pháp bất cộng

1. NGHĨA NĂM PHẦN PHÁP THÂN

- Chia làm bốn phần:

- 1- Giải thích tên gọi.
- 2- Nói về tướng.
- 3- Phân biệt ba học.
- 4- Phân biệt ba nhóm.

1. Giải thích tên gọi:

Các kinh phần nhiều nói về năm phần pháp thân, tên gọi năm phần trong pháp thân là: Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến. Năm phần này ý nghĩa chung cả nhân quả. Trong kinh phần nhiều căn cứ theo nghĩa Vô học mà nói. Trong Vô học chung cả Đại thừa và Tiểu thừa. Nay nói về đức của Phật:

Giới là y cứ trên thực hành phương tiện phòng cấm nên gọi là giới. Phòng cấm các lỗi khiến không bao giờ khởi. Nói theo thật thì pháp thân thể thanh tịnh không lỗi nào khởi cả nên gọi là Giới.

Định là y cứ trên thực hành phương tiện, dứt loạn trụ duyên, gọi là Định. Y theo thật mà nói thì chân tâm thể vắng lặng, tự tánh chẳng

động gọi là Định.

Tuệ là y cứ trên thực hành phương tiện quán chiếu thấu suốt gọi là Tuệ, y theo thật mà nói thì chân tâm thể sáng suốt tự tánh không tối gọi là Tuệ.

Giải thoát là y cứ trên thực hành phương tiện thoát khỏi triền phược gọi là thoát, nói theo thật thì tự thể không có ràng buộc, nên gọi là Giải thoát.

Giải thoát tri kiến là y cứ trên thực hành phương tiện biết tự mình ra khỏi ràng buộc nên gọi là Giải thoát tri kiến, y theo thật mà nói thì chứng cùng tột tự biết chân thật vốn vô nhiễm gọi là Giải thoát tri kiến.

Hỏi: Tri kiến là tên khác của Tuệ, nêu một gồm đủ tất cả, đâu cần khổ nhọc để lập thuyết?

Ngài Long Thọ giải thích: Tri và Kiến đều có nghĩa riêng, hoặc có khi là Kiến mà chẳng phải Tri, như tâm tám nhãn của Tiểu thừa, suy cầu gọi là Kiến mà chưa quyết liễu nên không gọi là Tri. Hoặc có khi là Tri mà chẳng phải Kiến, như Trí Tận, Trí Vô Sinh của Tiểu thừa, đối với cảnh biết rõ nên gọi là Tri, bậc Vô học dứt suy cầu nên không gọi là Kiến. Nay lập thuyết khác với kia, Tri mà Kiến nên gọi là Giải thoát tri kiến, với chỗ sở đắc của mình quán sát mong cầu gọi là Kiến, giác liễu gọi là Tri. Ngài Long Thọ lại nói, vì vững chắc nghĩa kia nên gọi chung là Tri Kiến.

Đây là phần phân biệt tên của năm món lại chia về nhân năm phần pháp thân này thành tự nhân của thân nên gọi là phân. Pháp tên là tự thể, năm món này dùng Vô học làm tự thể nên gọi là Pháp. Lại pháp nghĩa là khuôn phép, năm món này thành tựu khuôn phép nên gọi là pháp. Thể của năm Pháp thân Phật này gọi là thân, lại đức chứa nhóm cũng gọi là Thân.

2. Nói về tướng:

1. Giới. Có ba loại:

- Biệt giải thoát Giới: Như kinh Di Giáo nói: “Giới là gốc chánh thuận giải thoát” nên gọi là Giải thoát. Lại nữa, theo phần mà tránh khỏi, cắt đứt lưới nghiệp nên gọi là giải thoát. Tán tâm thọ nhận được không giống như hai tâm đạo, định nên gọi là Biệt.

- Thiên giới: Cũng gọi là giới Định cộng đối với tâm thiền định có pháp vô tác là ác phát sinh nên gọi là giới Thiên. Giới này giống như định, có định thì có giới, xả định thì mất giới nên gọi là giới Định

cộng.

- Đạo giới: Cũng gọi là Đạo cộng, đối với tâm Thánh đạo có riêng pháp vô tác là lỗi phát sinh, nên gọi là Đạo giới. Giới này đi chung với Đạo nên gọi là Đạo cộng.

Nghĩa này như trong phần ba luật nghi ở trước đã nói đầy đủ. Trong ba loại này, chia quả khác nhân, lấy riêng quả Phật câu sinh Đạo giới làm giới thân, nhiếp nhân thành quả thì cả ba đều như thế.

2. Định thân: Có hai thứ:

Sự định: Đó là tám định thế gian, trong sự ấy tâm an, dứt trừ sự loạn nên gọi là Sự định.

Lý định: là Ba loại Tam-muội, v.v... trong lý an tâm, dứt trừ tánh loạn nên gọi là Lý Định. Giữ tánh trái lý nên gọi là tánh loạn. Lại trụ vào thật tế, dứt trừ tất cả vọng tưởng phân biệt cũng gọi là Lý Định. Tâm chấp tướng gọi là vọng phân biệt.

Trong hai thứ định này, chọn lấy quả khác nhân, chỉ nhận quả Phật tương ứng với Lý định làm định thân của Phật, nhiếp nhân thành quả, tất cả đều như thế.

3. Tuệ thân: Có hai thứ:

Thế Trí: biết rõ pháp thế gian.

Đệ Nhất Nghĩa Trí: biết đệ nhất nghĩa.

Hai trí này đều chung cả nhân quả, phân biệt quả khác nhân, trí trong quả là Phật tuệ thân, nhiếp nhân thành quả, tất cả đều đúng.

4. Giải thoát: có hai:

Hữu vi Giải Thoát: Thánh đạo vô vi dứt bật các ràng buộc.

Vô vi Giải Thoát: Diệt đế Niết-bàn dứt lìa các ràng buộc.

Hai giải thoát này chung cả nhân quả, phân biệt quả khác nhân, giải thoát trong quả là giải thoát thân của Phật, trong nhân thì không phải; nhiếp nhân thành quả thì tất cả đều đúng. Lại trong hữu vi, vô vi nay, nói theo tướng thì hữu vi giải thoát là giải thoát thân, vô vi thì không đúng. Vì sao? Giải thoát thân là sự sai biệt trong tuệ nên hữu vi là đúng, vô vi chẳng phải tuệ nên không lấy.

Lại thân là nghĩa chứa nhóm, công đức hữu vi có nghĩa chứa nhóm nên gọi là thân, pháp vô vi không có nghĩa chứa nhóm nên chẳng thành thân. Nếu nhiếp tướng để nói thì tất cả đúng.

Hỏi: Vô Vi không có nghĩa chứa nhóm, làm sao thành thân?

Đáp: Thân là nghĩa của thể, Vô vi giải thoát cũng là pháp thể công đức của Như Lai nên được gọi là Phật. Trong Hoa Nghiêm nói mười thân Phật, bắt đầu từ Nguyên thân đến Trí thân, thân thứ chín là

Pháp thân.

Luận tự giải thích rằng; pháp thân là giới vô lậu, giới vô lậu là Niết-bàn, nên pháp vô vi cũng được gọi là thân, giống với Phật Niết-bàn trong Hoa Nghiêm.

Trong Hữu Vi lại có hai thứ:

Tâm giải thoát: Dứt trừ bốn trụ, công đức tâm tịnh.

Tuệ giải thoát: Dứt trừ vô minh, tất cả trí tịnh.

Hai thứ này đều có tên chung là Giải thoát thân.

5. Giải thoát tri kiến. Có hai thứ:

Tự tri giải thoát: Tự biết rõ ràng chỗ sở đắc của mình.

Tri tha giải thoát: Biết tất cả chỗ sở đắc của Ba thừa.

Cả hai đều gọi chung là Tri kiến thân.

3. Phân biệt theo tam học:

Tam học là Giới, Định, Tuệ. Trong năm phần pháp thân, thứ nhất là Giới, kế là Định, ba pháp sau là Tuệ.

Hỏi: Vì sao trong Tuệ chia riêng làm ba, Giới Định mỗi pháp chỉ là một?

Có chỗ giải thích: Tuệ có nhiều công năng nên chia làm ba, Giới Định không như thế nên mỗi pháp chỉ có một.

Tướng một như thế, chưa phải là nhất định, vì sao? Vì trong kinh hoặc có khi chia Giới là nhiều, Định và Tuệ mỗi thứ là một, như trong môn sáu độ thì bốn môn đầu là Giới, môn thứ năm là Định, môn thứ sáu là Tuệ. Giới đi đầu các pháp khác giúp đỡ mới được thành, nên chia ra nhiều thứ, các pháp còn lại không như thế nên chỉ có một. Hoặc có khi chia Định là nhiều, Giới và Tuệ mỗi thứ là một, như bốn thứ Vô tội lạc thì Giới là một gọi là xuất gia lạc. Định chia làm hai: “Viễn ly lạc” và “tịch diệt lạc”. Sơ thiền xa lìa dục ác bất thiện nên gọi Viễn ly lạc, nhị thiền trở lên giác quán ngừng nghỉ nên gọi là Tịch diệt lạc; Tuệ là một gọi là Bồ-đề lạc. Vì thiền định dứt khổ, tướng vui tăng mạnh nên chia làm nhiều; Giới, Tuệ không như thế nên là một. Hoặc có khi chia Tuệ nhiều; Giới, Định mỗi thứ một. Như trong môn Thất tịnh thì Tuệ chia làm năm là Kiến Tịnh, Độ Nghi Tịnh, Đạo phi Đạo Tịnh, Hành Tịnh và Hành Đoạn Trí Tịnh. Giới chỉ có một là Giới Tịnh, Định cũng chỉ có một là Tâm Tịnh. Vì về phần trừ chướng lìa lỗi Tuệ có nhiều công năng nên chia làm năm; Giới, Định không như thế nên chỉ có một. Hoặc Giới, Định, Tuệ cả ba đều được phân chia, như trong môn tám Chánh Đạo, Giới chia làm ba: Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng; Định chia

làm hai: Chánh Niệm và Chánh Định; Tuệ chia làm hai: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy. Vì các hạnh ấy đều có tướng khác nên cùng phân.

Nay nói năm phần pháp thân, chỉ nghiêng về Tuệ, Giới và Định chỉ có một, giống như trong môn Thất tịnh ở trên, vì pháp môn phân chia và gộp lại không giống nhau nên không nhất định.

4. Phân biệt theo ba nhóm: (TAM TỰ)

Ba nhóm là Sắc, pháp, Tâm pháp, Phi Sắc tâm.

Theo Luận Tỳ-đàm, năm phần pháp thân quan trọng chỉ là Sắc - Tâm, một phần giới đầu là Sắc, bốn phần còn lại là Tâm. Vì sao trong Tâm pháp chia làm nhiều phần? Nhiều chỗ giải thích: Tâm có nhiều công dụng nên chia làm nhiều, Sắc pháp không như thế nên chỉ có một. Có lẽ đó là một tướng mà nói, chưa thể chuyên định.

Nghĩa này thế nào?

Trong kinh hoặc có khi nói rộng về Sắc, nói lược về Tâm như Thập nhị nhập; hoặc có khi nói rộng Tâm mà lược Sắc, như Năm ấm; hoặc có khi Sắc - tâm đều nói rộng như Thập bát giới; hoặc có khi Sắc Tâm đều lược như môn Danh Sắc. Nay nói năm phần pháp thân nghĩa tương đương Năm ấm. Vì vậy, nhiều môn phân ra và gộp lại chẳng phải một, nên không chuyên định.

Nếu theo Luận Thành Thật, thì trong giới thân ban đầu, Tác giới là Sắc, Vô tác là phi Sắc phi Tâm, bốn pháp sau là Tâm. Theo thuyết này thì một Giới thân đầu tiên phi tình làm Thế, bốn pháp sau là Tình.

Hỏi: Vì sao trong pháp phi tình lập riêng là một, pháp tình là bốn?

Đáp: Nhiều chỗ giải thích rằng: Vì trong tâm pháp thành người mạnh nên chia làm bốn. Điều này cũng không nhất định. Trong kinh hoặc có khi chia giới làm nhiều như sáu độ môn, hoặc Giới và Tâm cùng chia làm nhiều như tám chánh môn, không thể nhất định được.

Theo Đại thừa, Giới chung cả ba nghiệp, vì dùng giới để nói về mười đường lành, trong đó tác giới là Sắc là Tâm, thân miệng tạo nghiệp gọi là Sắc, ý tạo nghiệp gọi là Tâm. Vô tác là pháp Sắc, Tâm, không phải là sự Sắc Tâm là nghiệp sắc tâm từ sắc tâm sinh, gọi là Sắc, gọi là Tâm, chẳng phải hình chất chướng ngại, cũng chẳng phải tri thức. Do nghĩa này nên pháp phi Sắc Tâm như trong Ba nhóm Giới ở trước đã nói đầy đủ.

Giới thân như thế, bốn tâm pháp còn lại, như nói vô vi giải thoát là thân, giải thoát thân cũng phi sắc tâm.

2. NGHĨA NGŨ NHÃN.

- Chia làm tám phần:

- 1- Giải thích tên gọi.
- 2- Nói về tướng.
- 3- Thứ đệ tu thành.
- 4- Phân biệt theo cảnh.
- 5- Phân biệt theo người.
- 6- Chứng hạn sở kiến.
- 7- Nói nhân.
- 8- Đối với mười nhân trên thấu nhiếp lẫn nhau.

1. Giải thích tên gọi:

Nghĩa của Ngũ Nhãn, các kinh phần nhiều có nói, chiếu soi nhìn ngấm gọi là nhãn. Nhãn phân biệt khác nhau. Một thuyết nói có ngũ nhãn: một nhục nhãn, hai thiên nhãn, ba mắt tuệ nhãn, bốn pháp nhãn, năm Phật nhãn. Nhục nhãn và tuệ nhãn là theo thể mà đặt tên, dùng con mắt gọi là mắt Tuệ nhãn. Pháp nhãn theo cảnh mà đặt tên, vì thấy được pháp gọi là pháp nhãn. Thiên nhãn và Phật nhãn thì gọi tên không nhất định. Vì sao? Vì tên thiên nhãn có ba thứ:

1. Từ người đặt tên: trong cõi người theo nghĩa mà gọi, chư Phật Bồ-tát gọi là Tịnh Thiên, sinh trong loài người quả báo được mắt thấy thấu suốt Tam thiên Đại thiên thế giới, từ Tịnh Thiên để đặt tên, nên gọi là Thiên nhãn.

2. Theo cõi đặt tên; từ Bốn vị Thiên Vương cho đến cõi Phi Tướng gọi chung là cõi trời, sinh trong cõi trời, có phước báo được mắt nhìn thấy xa nên gọi là Thiên nhãn.

3. Theo nhãn mà được tên, như luận Địa Trì nói: “Tất cả thiên định trong Tam trụ gọi là Thiên trụ, y theo Thiên Trụ này tu được thanh tịnh nhãn, theo nhân này nên gọi là Thiên nhãn”.

Vì Thiên nhãn có ba thứ khác nhau này nên gọi là sai biệt không đồng.

Phật nhãn có hai cách gọi tên:

1. Theo người đặt tên, người tùy nghĩa mà gọi. Chư Phật, Như Lai có năng lực giác ngộ nên gọi là Phật, mắt Phật gọi là Phật nhãn.

2. Theo thể đặt tên, Phật gọi là giác, trí giác ngộ gọi là giác, giác trí này dùng làm mắt nên gọi là Phật nhãn.

Vì Phật nhãn có hai thứ, tên gọi khác nhau. Về Phật nhãn cũng chia làm hai:

* Tướng chung Phật nhãn: Bốn thứ mắt khi còn trong nhân đến lúc đạt quả Phật gọi chung là Phật nhãn. Ngài Long Thọ nói: “Thí như bốn dòng sông chảy ra biển lớn đều gọi chung là biển lớn, cũng thế, bốn loại mắt đạt quả Phật cùng gọi chung là Phật nhãn, như thế Phật nhãn theo người mà đặt tên”.

* Tướng riêng Phật nhãn: Soi thấy Như Lai Tạng tánh chân thật gọi là Phật nhãn, Phật như thế là nhãn đương thể mà đặt tên.

Tên Ngũ Nhãn có những vấn đề phụ như thế.

Giải thích sau:

Nhục nhãn: hình mạo gọi là nhục, mắt tịnh nhục có thể nhìn thấy nên gọi là nhục nhãn.

Thiên nhãn: Giải thích không nhất định, theo loài đặt tên thì chỗ thọ dụng tự nhiên gọi là Thiên, như Luận Địa Trì nói: “Mắt của loài trời gọi là Thiên nhãn”.

Nếu giải thích theo người thì chư Phật, Bồ-tát do thanh tịnh nên gọi là Thiên, mắt của Tịnh thiên gọi là Thiên nhãn.

Nếu giải thích theo Thiên thì tất cả Thiên định vì lìa dục thanh tịnh nên gọi là Thiên nhãn.

Mắt tuệ Nhãn: Quán sát thấu đạt gọi là Tuệ. Tuệ có công năng soi sáng nên gọi là Tuệ nhãn.

Pháp nhãn: Khuôn phép gọi là Pháp. Luận Thành thật nói: “Pháp gọi là tự thể, các việc thiện ác mỗi việc đều có tự thể nên gọi là pháp, mắt chiếu soi pháp gọi là pháp nhãn”.

Phật nhãn: Giải thích chung thì Phật là bậc giác ngộ, mắt của người giác ngộ gọi là Phật.

Giải thích riêng thì Phật là giác trí, giác trí này có công năng chiếu soi, nên gọi Phật nhãn.

Nghĩa là như thế.

2. Nói về thể tướng:

Trong thứ nhãn, nhục nhãn lấy sắc pháp làm thể, thiên nhãn vừa sắc vừa tâm pháp. Ba loại sau là tâm pháp, trí tuệ làm thể.

Trong nhục nhãn có hai loại: Một là báo, hai là trưởng dưỡng. Do nghiệp đời trước mà được gọi là báo, còn do sức của thực phẩm thuốc men mà được đôi mắt tốt thì gọi là trưởng dưỡng.

Thiên nhãn có hai: Một là chiếu hiện sắc tướng, sắc căn làm thể, hai là soi thấy vị lai, trí tuệ làm thể. Trong sắc có hai, một là phương tiện, hai là báo. Phương tiện là do tu thiện có được, như Luận Tỳ-đàm

nói: “Y theo thiên trên tu tập thiên nhãn, được bốn đại thanh tịnh của thượng địa, cùng ở một nơi như nhục nhãn mà thấy xa gọi là thiên nhãn”.

Nếu theo luận Thành Thật, do năng lực thiên định chuyển nhục nhãn của cõi phàm có thể thấy xa gọi là Thiên nhãn, không cần phải khác loài.

Cách lập thuyết của Đại thừa đồng với Luận Tỳ-đàm, người có mắt bốn đại bậc thượng và người nhục nhãn bậc hạ ở một nơi, cũng thấy xa gần khác nhau, phương tiện như thế.

Báo có hai loại:

Một là chư Phật, Bồ-tát do năng lực nhân duyên hạnh nghiệp nhiều đời nên dù sinh nơi nào cũng có quả báo được thiên nhãn nhìn xa.

Hai là các vị trời sinh ở cõi trời, quả báo được tịnh nhãn có thể thấy xa. Trong quả báo cõi trời lại có hai thứ, một là nghiệp quả tám thiện là các tầng trời cõi Dục, hai là nghiệp quả định thiện, là các tầng trời cõi Sắc. Nếu nói chung Vô Sắc cũng có Đại thừa nói cõi Vô Sắc cũng có Sắc. Về phần thiên nhãn có tuệ làm thể, trong pháp Tiểu thừa chỉ có phương tiện; trong pháp Đại thừa có hai loại: Một là phương tiện, nhờ tu thiên mà được. Hai là Báo, chư Phật Bồ-tát cũng nhờ năng lực tu mà quả báo được tịnh trí, thấy được việc ở đời vị lai.

Tuệ nhãn có hai: Một là phương tiện, hai là báo sinh. Phương tiện là ở đời hiện tại gần bạn nghe pháp tư duy tu tập, thấy các pháp không. Báo sinh Địa luận gọi là báo sinh thức trí, do năng lực đã tu tập hể sinh ra bất cứ nơi nào tự nhiên cũng soi thấy tất cả pháp không, chẳng đợi tu tập.

Pháp nhãn cũng có hai loại: Phương tiện và Báo sinh, đồng với Tuệ nhãn, chỉ có Cảnh giới sở kiến là khác.

Phật nhãn: Cũng có hai loại: Một là phương tiện, học quán thật tánh; hai là báo thành, do đã tu tập mà mất tánh thành tựu. Do phước báo thành tựu nên trong kinh luận gọi là Báo Phật.

Thể tướng của ngũ nhãn thứ như thế.

3. Thứ lớp tu hành:

Hành giả vì dục nuôi lớn thân mình, trước tu nhục nhãn, tuy có nhục nhãn nhưng chỉ có thể thấy phần thô, không thể thấy phần tế, chỉ có thể thấy gần không thể thấy xa, chỉ có thể thấy sáng không thể thấy tối, chỉ có thể thấy phía trước, không thể thấy phía sau, chỉ có thể thấy trong bức tường, không thể thấy ngoài vật ngăn. Có những chướng ngại

như thế nên tu thiên nhãn, do có Thiên nhãn nên tất cả đều thấy, thứ lớp tu tập của hai thứ nhãn trước là cố định.

Ba loại nhãn sau thứ lớp không nhất định, trong đây nói đầy đủ, thứ lớp có hai, nghĩa chia ra có tám.

Thứ lớp có hai: Nếu y theo quán nhập thì trước là Pháp Nhãn, kế là tuệ Nhãn, sau nói rõ Phật Nhãn, nếu nói theo thứ lớp từ tịch khởi dụng thì trước là tuệ Nhãn kế là Pháp nhãn, sau là Phật Nhãn.

Nghĩa chia ra làm tám, trong môn trước nghĩa chia ra làm bốn, môn sau cũng vậy.

Môn trước chia làm bốn:

Tu thiên nhãn trước, chỉ thấy việc sắc tướng, chưa thể soi thấy tất cả pháp tướng nên phải tu pháp nhãn; pháp nhãn tuy thấy tất cả pháp tướng nhưng chưa thể soi thấu phá tướng lý không, nên tiếp theo tu mắt tuệ Nhãn. Tuệ Nhãn tuy thấy phá tướng lý không, nhưng chưa cùng tận, vì chưa cùng tận nên tiếp theo tu Phật Nhãn, do Phật Nhãn nên phá tướng hoàn toàn thấy không đến cùng tận.

Trong môn này, Phật Nhãn và tuệ Nhãn đồng thấy lý không nhưng có tận và bất tận khác nhau, như Ngài Long Thọ nói: “Bồ-tát ba-nhược đến quả vị Phật chuyển tên là trí Tát-bà-nhã”.

Nghĩa này như thế.

Tu thiên nhãn trước, chỉ thấy việc sắc tướng mà không thể thấy tất cả pháp tướng, kể tu pháp nhãn, pháp nhãn tuy thấy tất cả pháp tướng mà chưa thể thấy phá tướng lý không, do không thấy nên kể đó tu tuệ Nhãn, tuệ Nhãn tuy thấy phá tướng lý không mà chưa thể thấy như thật chân không, do không thấy nên phải tu Phật nhãn, vì Phật nhãn thấy như thật không. Như Ngài Long Thọ nói: “Bồ-tát tu học sinh không, pháp không, dần dần tu được lý không bất khả đắc lý không, bất khả đắc là chân không. Như Lai tạng, tánh từ xưa đến nay không khởi không diệt, tự tánh thường vắng lặng, không đợi phá pháp rồi mới có lý không, nên gọi là chân không”.

Tu thiên nhãn trước, chỉ thấy sắc tướng, tu pháp nhãn thấy suốt tất cả pháp tướng, mắt tuệ thấy rõ phá tướng lý không nên thấy chân không, nên kinh Vô Lượng Thọ nói: “Tuệ nhãn thấy chân thật, đây nói là thấy”. Như kinh Niết-bàn nói: “Không có pháp để thấy nên gọi là thấy không”. Tuệ nhãn tuy thấy tất cả lý không nhưng chẳng thể thấy Phật tánh thật có, do không thấy nên kể đó tu Phật nhãn, từ đó rõ biết pháp giới như thật chân hữu.

Ba môn trên đây căn cứ theo tướng riêng của Phật nhãn.

Nói theo tướng chung của Phật nhãn thì trước tu Thiên nhãn thấy rõ sắc tướng, Pháp nhãn thấy rõ tất cả pháp tướng và thấy pháp lành trong Như Lai tàng chân thật mà không cùng tận, tuệ nhãn chiếu soi phá tướng lý không, cũng thấy nghĩa không như thật. Như Lai tàng chân thật không tột cùng. Do bốn loại mắt trước cách thấy chẳng tột cùng, kế tu Phật nhãn, do Phật nhãn nên đối với chỗ không tận cùng của bốn loại nhãn trên, tất cả đều thấu suốt. Trong môn này, bốn loại nhãn trước thành tựu rất ráo nên gọi là Phật nhãn.

Quán nhập thứ lớp, ý nghĩa như thế.

Khởi dụng thứ lớp bốn nghĩa thế nào?

Dùng Thiên nhãn trước, thấy sắc tướng nhưng chưa thể thấy phá tướng lý không. Kế tu tuệ nhãn, tuệ nhãn thấy không mà chưa thể thấy tất cả chúng sinh căn dục tánh tâm và tất cả pháp hóa độ chúng sinh. Kế tu Pháp nhãn, Pháp nhãn tuy thấy được căn dục tánh tâm của tất cả chúng sinh và pháp hóa độ sinh nhưng chưa cùng tận. Do không cùng tận nên kế tu Phật nhãn, do Phật nhãn nên thấy tột cùng. Trong môn này Phật nhãn cùng pháp nhãn đồng thấy có tận cùng và không tận cùng có khác nhau, như Ngài Long Thọ nói: “Pháp nhãn của Bồ-tát khi đến giai vị Phật chuyển thành Phật nhãn, nghĩa tương đương với môn này”.

Dùng Thiên nhãn trước, thấy được sắc tướng, kế tu tuệ nhãn thấy phá tướng lý không. Kế tu Pháp nhãn thấy căn dục tâm tánh của các chúng sinh và pháp hóa độ sinh, nhưng chưa thấy pháp giới chân hữu trong Như Lai tàng. Kế tu Phật nhãn, do Phật nhãn nên đối với pháp chân hữu tất cả đều thấy. Phật nhãn và Pháp nhãn trước, cách thấy có khác nhau.

Dùng Thiên nhãn trước thấy sắc tướng, kế tu tuệ nhãn thấy phá tướng lý không. Kế tu Pháp nhãn soi thấy tâm tánh căn dục của chúng sinh và pháp hóa độ chúng sinh, và thấy pháp giới chân hữu trong Như Lai tàng chân thật. Tuy thấy pháp này nhưng chưa thấy như thật chân không phi hữu phi vô, kế tu Phật nhãn, do tu Phật nhãn nên rõ biết pháp tánh như thật chân không.

Ba môn này là phân biệt đối với tướng riêng của Phật nhãn.

Nói theo tướng chung của Phật nhãn: Trước tu Thiên nhãn thấy sắc tướng, kế tu tuệ nhãn thấy phá tướng lý không và Phật tánh như thật chân không, không cùng tận. Kế tu Pháp nhãn thấy pháp tướng hữu và thấy chân hữu nhưng chưa rất ráo. Do bốn thứ mắt trước chưa rất ráo nên phải tu Phật nhãn, nhờ Phật nhãn nên đối với chỗ không cùng tận của bốn thứ mắt trước đều thấy cùng tận. Đây là đối với bốn thứ mắt

đầy đủ nên gọi là Phật nhãn, không còn có pháp khác.

Tu theo thứ lớp thành tướng trạng như thế.

4. Phân biệt theo cảnh:

Căn cứ vào cảnh có bốn thứ: Một Sự, hai Pháp, ba Lý, bốn Thật. Sự khác nhau của ấm, giới, nhập v.v... là Sự; Pháp thông tướng của khổ, vô thường v.v... là Pháp. Pháp tướng nghĩa không là Lý. Trong Như Lai tàng tất cả các nghĩa tự tánh như thế là Thật.

Hỏi: Chỗ thấy của ngũ nhãn đối với bốn thứ này thế nào?

Đáp: Căn cứ theo tướng riêng ngũ nhãn phân biệt, sau căn cứ theo tướng chung ngũ nhãn mà phân biệt.

Hỏi: Tướng riêng ngũ nhãn phân biệt ra sao?

Đáp: Nhục nhãn, Thiên nhãn chỉ thấy phần thô của một sắc tướng, ngoài ra đều không thấy. Như kinh Niết-bàn nói: “Thiên nhãn Bồ-tát chẳng phải thấy được sắc, cũng thấy được sắc tướng sinh diệt kia”. Nếu theo nghĩa này cũng phân biệt là thấy pháp, vì ít nên không nói. Pháp nhãn thấy tất cả các loại như; ấm, giới, nhập v.v... và thấy pháp Tuệ nhãn thấy nơi pháp tướng lý không, Phật nhãn thấy chân thật.

Tướng riêng là như thế.

Hỏi: Chung và riêng ngũ nhãn thấy cảnh thế nào?

Đáp: Bốn loại mắt trước là riêng nên thấy bốn cảnh riêng. Một loại Phật nhãn sau là chỗ chung nên thấy chung bốn cảnh.

Theo riêng ở trước, nhục nhãn và Thiên nhãn thấy một phần sắc của thô mà không cùng tận. Pháp nhãn thấy pháp sự tướng, ấm giới, nhập v.v... và thấy tất cả pháp sinh, diệt, khổ, vô thường v.v... cũng thấy pháp thiện có trong Như Lai tàng nhưng không cùng tận. Tuệ nhãn thấy pháp tướng lý không, cũng thấy tự thể chân không trong Như Lai tàng chân thật, mà không hoàn toàn. Phật nhãn thấy các pháp của bốn thứ mắt trước, thấy đều cùng tận. Nên Ngài Long Thọ nói: “Nên biết Phật nhãn không có chỗ nào không thấy, không có gì không nghe, không có gì không biết, nói chung như thế”.

Hỏi: Phật nhãn chính là thấy, sao nói là nghe?

Đáp: Ngài Long Thọ giải thích: “Từ nhĩ thức mà sinh trí tuệ cho nên nói là nghe, lại các căn là quyền thuộc của Phật nhãn cho nên nói là nghe”.

5. Phân biệt theo người:

Người ở đây là phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và Phật,

căn cứ các bậc này mà chia ra ngũ nhãn, trong đây có ba.

1. Phân biệt theo tướng: Nhục nhãn, Thiên nhãn thấy sự tướng là pháp phàm phu, phân loại thuộc phàm phu, dù cho bậc Thánh có tánh cũng thuộc phàm phu. Pháp nhãn tuệ nhãn phối hợp với người không nhất định, nếu nói theo thứ lớp quán nhập, Pháp nhãn thấy các pháp thường sinh diệt, khổ, vô thường, v.v... xếp vào Nhị thừa, nên người Nhị thừa khi nhập Kiến đạo gọi là Pháp nhãn tịnh. Tuệ nhãn thấy lý không bình đẳng, xếp vào Bồ-tát. Nếu y theo thứ lớp từ tịch khởi dụng thì, tuệ nhãn thấy ấm, giới, nhập, v.v...không, vô ngã nhân, xếp vào Nhị thừa. Pháp nhãn thấy tâm tánh căn dục của tất cả chúng sinh và thấy tất cả pháp hóa độ chúng sinh, pháp xếp vào Bồ-tát. Phật nhãn ở Phật, nghĩa dễ biết.

2. Phân biệt hơn khác kém: Được mắt bậc thượng gồm cả bậc hạ, có mắt bậc hạ không sánh bằng bậc thượng, trong môn này, hàng phàm phu chỉ có Nhục nhãn, Thiên nhãn, không có ba thứ kia. Thanh văn, Duyên giác nghĩa ấy không nhất định, nếu theo môn quán nhập thì các vị ấy có Pháp nhãn, Nhục nhãn, Thiên nhãn không có hai thứ kia. Nếu theo môn khởi dụng, các vị ấy có tuệ nhãn, Nhục nhãn, Thiên nhãn không có hai thứ mắt kia. Bồ-tát đầy đủ bốn thứ mắt, nhưng chưa được Phật nhãn. Chư Phật, Như Lai đầy đủ ngũ nhãn, nên kinh nói: “Đầy đủ ngũ nhãn thành tựu Bồ-đề”.

3. Phân biệt Đại khác Tiểu: Phàm phu, Nhị thừa là Tiểu thừa, Chư Phật, Bồ-tát là Đại thừa. Trong phần Tiểu thừa, thứ mắt bậc thấp không sánh bằng mắt bậc cao, mắt bậc cao gồm cả loại thấp. Trong phần đại, chư Phật Bồ-tát đầy đủ ngũ nhãn, chỉ có tròn đầy và chưa tròn đầy là khác nhau.

6. Giới hạn thấy biết của ngũ nhãn thức:

Trước nói về nhục nhãn. Như Ngài Long Thọ nói: “Phàm phu nhục nhãn thấy xa nhất không thể thấy quá trăm do-tuần, còn vua Chuyển Luân từ đó trở lên xa gần không nhất định”.

Hỏi: Mặt trời, mặt trăng cách trái đất bốn mươi hai ngàn do-tuần, người đời cùng thấy, vì sao không thấy hết trăm do-tuần?

Luận giải thích: Mặt trời, mặt trăng có ánh sáng phản chiếu tự thể nên người thấy, chẳng phải do sức của mắt, lại người tuy thấy mà không tương xứng với thật, nên không gọi là thấy.

Vì sao không tương xứng? Vì mặt trời, mặt trăng tròn đủ năm trăm do-tuần, mà thấy như cái quạt tròn cho nên nói là không tương xứng.

Hàng Thanh văn, Duyên giác nhục nhãn như phàm phu, Bồ-tát nhục nhãn gần xa không nhất định. Trong kinh Đại Phẩm nói: “Gần thì thấy một trăm do-tuần, xa nhất là Tam thiên Đại thiên thế giới”.

Hỏi: Chỗ gần có tiêu chuẩn nhất định nào mà nói gần thấy một trăm do-tuần?

Đáp: Ngài Long Thọ giải thích: “Vì phân biệt hàng phàm phu, với vua Chuyển Luân nên nói thấy một trăm do-tuần, thật ra không nhất định”.

Hỏi: Vì sao chỗ xa không thể thấy nhiều, mà nói thấy rất xa cõi Tam thiên?

Đáp: Luận giải thích có ba: “Ngoài cõi Tam thiên trong chốn hư không có đại phong luân là chỗ trái với mắt thịt, do chướng ngại này nên không thể thấy xa hơn”.

Nếu không có thiên nhãn, gắng tu có phước thù thắng có thể thấy xa. Do có thiên nhãn lại không tu tập phước cao quý nên không thấy xa.

Bồ-tát nhục nhãn cũng có thể thấy xa, nhưng Phật không nói, sau giải thích ứng thiện vì sao biết được?

Như trong kinh nói: “Cõi nước của Phật A-di-đà quả báo được nhục nhãn thấy rõ việc trong vô số cõi Tam thiên, nên biết không cuộc hạn ở một cõi Tam thiên”.

Kinh Đại phẩm nói thấy cõi Tam thiên căn cứ theo đây.

Hỏi: Nhục nhãn không thể thấy hình sắc chướng ngại bên ngoài, làm sao thấy được cõi Tam thiên?

Luận giải thích có hai:

Nghĩa thích: “Tuy thấy Tam thiên nhưng chỗ chướng ngại không thấy, thì chỗ không chướng ngại”.

Bồ-tát tuy sinh trong loài người, do nhân duyên nghiệp thanh tịnh nhiều đời, phước báo được thiên nhãn và nhục nhãn đồng ở một nơi. Dùng năng lực của thiên nhãn khai đạo, khiến cho nhục nhãn thấy được vật bên ngoài chướng ngại.

Hỏi: Nếu do dùng thiên nhãn khai đạo mà nhục nhãn được thấy vật ngoài chướng ngại, thì vật trong chỗ tối, thiên nhãn mở đường có được thấy chăng?

Đáp: Không được. Luận giải thích: Lúc đêm tối chỉ dùng Thiên nhãn, còn nhục nhãn không thấy. Vì sao?

Vì ở sắc bên ngoài vật chướng ngại có không có minh, sinh đủ duyên cho thức nên được thiên nhãn khai đạo mới thấy, sắc trong tối chỗ đó

không có ánh sáng, duyên sinh thức bị thiếu nên thiên nhãn tuy khai đạo mà không thấy, đây là một lý. Lại sắc bên ngoài vật chướng ngại không ở trong tối, chỗ ấy rõ ràng có sức mạnh lôi kéo tâm, nên thiên nhãn khai đạo thì có thể thấy, sắc trong chỗ tối không có nghĩa lôi kéo tâm, nên dù mở cũng không thấy.

Hỏi: Nhục nhãn của Phật, thấy xa bao nhiêu?

Luận giải thích có hai:

“Như Lai và Bồ-tát đồng thấy cõi Tam thiên”.

Pháp của Phật khó lường, nhục nhãn cũng có thể thấy xa, tuy thấy xa mà Phật thường không dùng, vì không cho là thật. Nghĩa này như trong phần thần thông tự tại của Phật có nói. Phật đối với sắc đẹp không sinh tham ưa, đối với sắc xấu cũng không sinh chán ghét, đối với hai loại sắc này hoặc có lúc hành xả. Vì thế tuy được nhục nhãn tốt vượt hơn người mà không ưa thích, vì không ưa nên không thường dùng.

Hỏi: Nhục nhãn của Như Lai thấy được xa, sao không gọi là thiên nhãn mà gọi là nhục nhãn ?

Đáp: Nương nhờ từ nhục nhãn mà được nên gọi là nhục nhãn, lại nhờ thiên nhãn khai đạo mới thấy chẳng phải do sức của nhục nhãn cho nên gọi là nhục nhãn.

Kế nói về giới hạn của Thiên nhãn.

Như Ngài Long Thọ nói: “Phàm phu tu được thiên nhãn, xa nhất có thể thấy một Tứ thiên hạ”.

Phàm phu có phước báo được Thiên nhãn, phạm vi của chỗ thấy kinh luận không phân biệt, nay nói theo nơi chốn, như trong kinh nói: “Trụ xứ Sơ Thiên bằng một ngàn Tứ thiên hạ, trụ xứ Nhị thiên bằng hai ngàn Tứ thiên hạ, trụ xứ Tam thiên bằng ba ngàn Tứ thiên hạ, trụ xứ Tứ thiên rộng lớn vô lượng, tuy nói vô lượng nhưng không nhất định bao nhiêu, nhưng y theo cấp số tăng ở trên thì bằng bốn ngàn Tứ thiên hạ, chỗ thấy hình như cũng vậy, vẫn không nói rõ nên chưa thể nhất định”.

Hàng Thanh văn có Đại thừa có Tiểu thừa. Tiểu thừa Thanh văn thấy Tiểu thừa thiên thế giới, tương tự với Phạm Vương Sơ thiên. Chỗ khác nhau Ngài Long Thọ nói: “Phạm Vương thân ở bên mé ngàn thế giới nhìn vào thì thấy, nhìn ra thì không, Thanh văn thì không phải như vậy, hễ thân ở đâu, nhìn vào nhìn ra đều thấy ngàn thế giới. Bạc Đại Thanh văn thấy Trung thiên giới, trừ A-na-luật, vì A-na-luật do năng lực chuyên tu thấy cõi Tam thiên, nên gọi là Thiên nhãn bậc nhất”.

Duyên giác có Đại thừa có Tiểu thừa, Tiểu thừa Duyên giác thấy

được trung thiên giới, Đại thừa Duyên giác thấy đại thiên thế giới.

Thiên nhãn của Bồ-tát có hai bậc: Một là tu khởi, hai là do quả báo được. Người tu phát tâm theo Đại Tiểu thừa chỗ thấy không nhất định. Nói về chỗ tốt, thấy tất cả cõi. Nên Luận Địa Trì nói: “Bồ-tát đem tất cả thế giới chung làm cảnh giới”. Được phước báo. Kinh Đại phẩm nói: “Nhất có thể thấy một Tam thiên thế giới”.

Thiên nhãn của Như Lai cũng có hai: Một là tu đắc thấy tất cả cõi; hai là báo đắc cũng như Bồ-tát thấy cõi Tam thiên cũng có thể thấy vô lượng thế giới.

Theo nhục nhãn ở trước, nghĩa ấy như thế, ba loại nhục nhãn sau không thể dùng nơi chốn mà luận bàn, chỉ được căn cứ về mặt sâu cạn của pháp.

Trước nói về Tuệ nhãn: Hàng Thanh văn, Duyên giác có được tuệ nhãn chỉ thấy sinh không, như Địa Trì cũng nói, dù được pháp không nhưng rất ít chẳng đủ để nói. Tuệ nhãn của Bồ-tát thấy đủ hai không, mà chẳng cùng tận. Tuệ nhãn của Như Lai thấy “Không” được cùng tận.

Kế nói về Pháp nhãn: Thanh văn, Duyên giác được pháp nhãn chỉ thấy ấm, giới, nhập, Bốn đế và mười hai nhân duyên, tuy vậy nhưng chỉ thấy tướng phần thô quán, không thể thấy phần vi tế. Pháp nhãn của Bồ-tát thấy rõ tâm tánh căn dục của chúng sinh và tất cả pháp; đối với tất cả pháp hoặc chung hoặc riêng thô hoặc tế đều biết không cùng tận. Pháp nhãn của Như Lai biết rõ tâm tánh căn dục của chúng sinh và tất cả pháp, thấy đều cùng tốt.

Kế nói về Phật nhãn: Nhị thừa hoàn toàn không có, còn Bồ-tát tiến lùi không nhất định. Bồ-tát Địa Tiền nghe thấy Phật tánh, do nghe thấy nên gọi là Đại Thanh văn; Bồ-tát Địa thượng mắt thấy Phật tánh, do thấy nên gọi là chứng, nếu theo kinh Niết-bàn thì bậc Cửu Địa trở lên nghe thấy Phật tánh, Thập Địa mắt thấy nhưng chưa rõ ràng, chỉ thấy tự thân có Phật tánh, không thấy nơi chúng sinh, nên gọi là không rõ: Lại ở tự thân thấy một phần mười nên gọi là không rõ. Phật nhãn của Như Lai thấy tánh cùng tốt, ngũ nhãn thấy có giới hạn.

7. Nói về nhân

Nhân của ngũ nhãn có chung có riêng.

Nói chung thì tất cả các hạnh đều được, hạnh Đại Phẩm nói Bồ-tát tu học Bát-nhã Ba-la-mật định nơi ngũ nhãn, Bát-nhã đã như vậy, các hạnh khác đều như vậy.

Hỏi: Vì sao không nói sinh nơi ngũ nhãn thứ mà nói tịnh?

Đáp: Ngài Long Thọ giải thích: “Bồ-tát trước có nhục nhãn, cũng có được phần bốn thứ mắt kia, vì kiết sử che đậy nên không thể tịnh, như gương tánh nó là sáng, vì bụi nên mờ, nếu trừ bụi thì chiếu sáng như cũ, như thế Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn cho đến Phật nhãn chẳng phải mới có, nên không gọi là sinh, xưa có nay hiển bày nên nói là Tịnh. Xét theo đây thì, Phật đức vốn có, nghĩa này không hư dối, nhưng nhất tướng mà nói trong đây phân biệt cũng có nghĩa sinh tướng chung như thế”.

Nếu nói về riêng, do nhân duyên bố thí đèn sáng, vật sạch thì được nhục nhãn. Do năng lực nhân duyên thiền định trì giới nên được Thiên nhãn, nhân duyên trì giới được ở cõi Dục giới có Thiên nhãn nhân duyên tu thiền định được tất cả thiên nhãn trên cõi Sắc. Nhân duyên tu tập vô lượng tịnh tuệ được ba thứ nhãn còn lại. Lại luận nói: “Tu tập vô lượng công đức trí tuệ được ba thứ nhãn kia”.

8. Đối với thập nhãn cùng thâm nhiếp nhau:

Thập nhãn trong kinh Hoa Nghiêm nói:

Nhục nhãn: Thấy tất cả sắc.

Thiên nhãn: Thấy các chúng sinh chết đây sinh kia.

Tuệ nhãn: Thấy các chúng sinh các căn khác nhau.

Pháp nhãn: Thấy tướng chân thật của tất cả pháp, là thấy tướng đệ nhất nghĩa của các pháp.

Phật nhãn: Xem phần mười Lực của Phật.

Trí nhãn: phân biệt biết rõ tất cả pháp.

Minh nhãn: Thấy ánh sáng của tất cả chư Phật.

Xuất sinh tử nhãn: Thấy pháp Niết-bàn.

Vô ngại nhãn: Thấy tất cả pháp không chướng ngại.

Phổ nhãn: Thấy pháp môn bình đẳng trong pháp giới.

Trong mười loại này, đầu tiên là Nhục nhãn ở trên đã nói cũng gồm Thiên nhãn, vì thấy sắc nhỏ nhiệm ở xa là Thiên nhãn. Thiên nhãn thứ hai là Thiên nhãn ở trước. Sáu thứ: tuệ nhãn, Phật nhãn, Trí nhãn, Minh nhãn, Xuất sinh tử nhãn, Vô ngại nhãn, sáu thứ mắt này là Pháp nhãn trước. Pháp nhãn thứ tư ở đây là mắt tuệ ở trước, vì thấy Chân đế. Phổ nhãn thứ mười là Phật nhãn trước, vì Phật nhãn thấy cùng khắp chân pháp bình đẳng gọi là Phổ nhãn.

Nghĩa của ngũ nhãn thứ nói lược như thế.

3. NGHĨA LỤC THÔNG

Chia làm chín môn:

- 1- Giải thích tên gọi.
- 2- Nói thể.
- 3- Nghĩa tu đắc.
- 4- Đại thừa, tiểu thừa khác nhau.
- 5- Phân biệt tam tánh.
- 6- Phân biệt tam nghiệp.
- 7- Phân biệt thông suốt thị hiện v.v...
- 8- Thứ lớp tu khởi.
- 9- Y theo kinh nói về tướng.

1. Thích danh tên gọi :

Tác dụng không trở ngại gọi là Thông, phân biệt về thông có nhiều cửa, một cửa nói sáu thông, sáu thông là:

- 1- Thân thông, 2- Thiên nhãn, 3- Thiên nhĩ, 4- Tha tâm trí
- 5- Túc mệnh trí, 6- Lậu tận thông.

Trong đây giải thích, chia làm ba phần:

- Đặt tên.
- Giải thích nghĩa.
- Phân biệt các căn như mắt, v.v... để lập nghĩa thông và bất thông.

1. Đặt tên như thế nào? Ba thông là Thiên nhĩ, Tha Tâm và Túc Mệnh, danh nghĩa là nhất định; Thiên nhĩ là tùy theo căn mà đặt tên, Tha Tâm và Túc mệnh từ cảnh mà đặt tên, biết tâm người khác nên gọi là Tha Tâm Thông, biết túc mệnh nên gọi là Túc Mệnh Thông, Lậu tận thì danh nhất định mà nghĩa bất định, trong kinh luận chỉ gọi là lậu tận nên tên nhất định, nói về nghĩa thì có hai thứ riêng: Một là sức trí của bậc Vô học dứt bỏ được các lậu gọi là Lậu tận thông, đây là gọi tên theo khả năng, vì chấm dứt được lậu hoặc nêu cũng được gọi là “vì trừ hoạn mà đặt tên”. Hai là biết lậu tận gọi là Lậu tận thông, nghĩa này từ cảnh đặt tên.

Thân thông và Thiên nhãn, hai thứ này danh và nghĩa đều bất định. Trong Thân thông hoặc gọi là Thân thông, hoặc gọi là Thân Thông, hoặc gọi là Thân Túc, đó là danh bất định. Theo danh giải nghĩa, nghĩa ấy mỗi thứ khác nhau, là nghĩa bất định. Tướng khác ra sao?

Thân thông này, hoặc từ sở y để đặt tên, hoặc từ cảnh mà gọi. Nướng vào sắc thân giả danh của tự mình, biến chuyển tự tại gọi là

Thân thông, đó là từ sở y mà đặt tên. Ở ngoài sắc thân chuyển biến tự tại gọi là Thân thông, đây là đặt tên theo cảnh giới. Thần thông là gọi tên theo khả năng, nghĩa là thần dị gọi là Thần; tác dụng không dính mắc gọi là Thông, nên gọi là theo khả năng. Thần Túc là từ khả năng đặt tên theo dụ; Thần là từ khả năng, giải thích như trước, túc là theo dụ, đi đứng qua lại việc giống như hai chân nên gọi là Túc.

Thiên nhãn thông, hoặc gọi là Sinh tử trí thông, đó là tên không nhất định. Theo tên giải nghĩa, nghĩa ấy đều khác, đó là nghĩa không nhất định. Tương khác ra sao?

Thiên nhãn thông là đặt tên theo căn, Sinh tử trí thông là đặt tên theo cảnh. Do ý nghĩa này mà Thân thông và Thiên nhãn, danh và nghĩa đều bất định, cái thô của định.

2. Giải thích: Thân thông: Hình sắc chứa nhóm nên gọi là Thân, ở thân này tác dụng không trệ ngại, nên gọi là Thân Thông. Thần thông là cùng tốt khó lường nên gọi là Thần, lại chỗ thần dị cũng gọi là Thần, nghĩa chữ “Thông” giống như trước. Nói Thần Túc: chữ Thần như giải thích như trước, việc làm tự tại như chân đi khắp nơi nên gọi là Thần túc.

Thiên nhãn thông: Tất cả thiên định gọi là Thiên Trụ, nương thiên được nhãn nên gọi là Thiên nhãn, chiếu soi không trệ ngại gọi là Thiên nhãn thông.

Sinh tử Trí Thông: Là chết sống vị lai gọi là sinh tử, đối với sinh tử này soi thấy không dính mắc gọi là Sinh tử Trí Thông. Nhưng Thiên nhãn và Sinh tử Trí, nói có ly hợp. Trong kinh Tăng Nhất A-hàm chia ra làm hai, do chia riêng nên kinh ấy lập ra bảy thông, ở đây có gì khác nhau? Soi thấy sắc tượng gọi là Thiên nhãn, vì chỗ thấy hiện tại tìm biết vị lai chết đây sinh kia gọi là Sinh tử trí. Do sự khác nhau này nên chia làm hai. Lại như trong phần Thập Minh của Hoa Nghiêm, cũng chia làm hai: Soi thấy sắc tượng gọi là do Thiên nhãn; Trí sáng hay biết vị lai chết đây sinh kia gọi là trí sáng biết tận mé vị lai. Do có phân biệt này, cho nên chia làm hai. Trong kinh Hoa Nghiêm quyển 10 cũng chia là hai, soi rõ sắc tượng hiện tại. Nói Thiên nhãn trí minh có thể biết sinh này tử kia đời quá khứ vị lai. Còn những kinh luận khác phần nhiều hợp làm thành một. Vì sao? Vì Thiên nhãn chiếu soi sắc tượng, bèn tìm biết vị lai chết đây sinh kia, vì lý do này hợp thành một.

Thiên nhĩ thông: Chữ “thiên” giải thích như trước, nương thiên được nhĩ nên gọi Thiên nhĩ, khi nghe không chướng ngại nên gọi là Thiên nhĩ thông.

Tha Tâm Thông: Chẳng phải tâm lự của mình gọi là tha, đối với tha tâm này soi biết không chướng ngại gọi là Tha tâm thông.

Hỏi: Thông này chẳng những chỉ biết tha tâm mà còn biết tướng, v.v... vì sao gọi riêng là tha tâm?

Đáp: Vì tâm là chính nên gọi là Tha tâm, lại các tâm sở như vì tướng, v.v... đều gọi chung là Tâm, nên gọi là Tha tâm.

Túc mệnh thông, sự việc trôi qua ở quá khứ gọi là Túc, pháp quá khứ tiếp nối gọi là Mệnh, đối với túc mệnh này soi biết không chướng ngại gọi là Túc mệnh thông.

Hỏi: Thần thông này không những chỉ biết về mệnh, mà còn biết tám việc, sáu thứ đồng hành ở quá khứ, vì sao gọi riêng là túc mệnh?

Đáp: Không nói danh tánh, v.v... ở đời trước, lấy mệnh báo làm chính nên nói riêng như thế. Lại mệnh là sau cùng căn cứ vào phép sau để trình bày nên nói túc mệnh.

Lậu tận thông: Những kiết sử tai họa đã dứt gọi là Lậu tận, đối với Lậu tận này biết rõ không chướng ngại gọi là Lậu tận thông. Lại trí của bậc Vô học có công năng phá trừ các lậu, cho nên cũng gọi là lậu tận trí thông.

3. Phân biệt sáu căn: như có lập nghĩa thông và không lập nghĩa.

Trong lục căn, ba căn lập thông là nhãn, nhĩ, ý. Thiên nhãn thông là nói theo nhãn căn. Thiên nhĩ thông là gọi theo nhĩ căn, ngoài ra bốn thông đều nương theo ý căn. Ba căn không lập thông. Ba căn không lập là tỷ, thiệt, thân. Vì sao?

Vì chỉ có Phật thì chư Phật, Như Lai sáu căn sử dụng chung đều đồng lập thông, nhưng nghĩa sáu thông thì nói về người khác, nay nói thông giải thích theo người.

Trong sáu căn, hai căn nhãn và nhĩ trong lìa mà sinh biết, nghĩa là từ xa có khả năng thấy nghe nên lập thông. Ý căn thì lìa hợp đều biết, rất được tự tại nên lập nhiều thông. Tỷ, thiệt, thân trong hợp sinh biết, trần đến ngay các căn mới rõ biết, không có nghĩa xa nên không nói chung.

Hỏi: Trong lục thông có thân thông, vì sao nói trong thân căn mà không lập thông?

Đáp: Thân thông là ở sắc thân giả danh biến chuyển tự tại gọi là Thân thông, chẳng phải ở thân căn hiểu biết tự tại gọi là Thân thông, cho nên nói thân căn bất lập.

Hỏi: Nếu tỷ, thiệt, thân căn có hợp thì mới biết không lập thông, kinh Hoa Nghiêm nói: “ Tỷ căn của Bồ-tát gửi mùi hương của cung

điện Vô Sắc”. Lại như trong kinh Thập Trụ dứt kiết sử nói: “ Có tỷ thông”. Vượt hơn nhãn nhĩ, vì sao nói tỷ không lập thông?

Đáp: Sáu thông là pháp chung của Ba thừa, Hàng Nhị thừa tỷ, thiết, thân căn không có nghĩa thông, vì thế không lập. Nếu đối với pháp bất cộng của Đại thừa. Sáu căn của chư Phật, Bồ-tát sử dụng lẫn nhau, trong mỗi căn có đủ tất cả dụng, nói thông chẳng có lỗi. Lại Phật Bồ-tát pháp thân tự tại dụng không chướng ngại, tất cả các căn đều là thần thông, không nên lấy đó để vấn hỏi sáu thông.

2. Nói về thể tánh:

Trong đây có chia ra năm phần:

- Phân biệt theo ba nhóm sắc, tâm, phi sắc tâm.
- Phân biệt theo lục thức.
- Phân biệt theo nghĩa thập nhất trí.
- Phân biệt theo thập minh.
- Phân biệt theo hai loại giải thoát: tuệ, tâm.

1. Phân biệt theo sắc, tâm, phi sắc tâm:

Có chỗ giải thích hai thông Nhãn, Nhĩ lấy sắc pháp làm thể vì sắc căn thanh tịnh nên làm thể chung, bốn thông còn lại lấy tâm pháp làm thể vì tuệ là thể. Nghĩa này không đúng, phải phân biệt Thiên nhãn, Thiên nhĩ thể thật là sắc, không dùng nhãn nhĩ mà làm thể chung, nên biết thể chung đều lấy trí tuệ tâm pháp làm thể, vì sao biết?

Vì theo Luận Tỳ-đàm, dùng thập trí để phân biệt lục thông, lục thông đều thuộc về thập trí, nên biết chẳng phải sắc. Lại trong Luận Thành Thật biện nghĩa lục thông, mới đầu đã nêu tên lục thông trí phẩm, cho rằng bốn thông thể tánh là trí, còn hai thông thì không phải, lẽ ra nói tứ thông trí phẩm, vì sao nói là lục thông trí phẩm. Lại trong kinh Hoa Nghiêm chia lục thông làm thập minh, thập minh là trí, thì không thể nói hai thông là sắc. Lại Địa luận nói: “ Tứ thông gọi là Trí, Thiên nhãn gọi là Kiến”. Tứ thông trí là thiên nhĩ, tha tâm, tức mệnh, thân thông, luận ấy đã nói thiên nhĩ là trí thì phải biết thiên nhĩ thông là thể chẳng phải sắc, thiên nhĩ đã như thế, Thiên nhãn cũng vậy. Nhưng luận ấy dùng nhãn xem thấy, theo dụng mà gọi là thấy, nếu nói về thể thì là trí, nên kinh gọi là sinh tử trí thông. Căn cứ sắc v.v... phân biệt như thế.

2. Căn cứ vào lục thức mà phân biệt lục thông: Các luận nói khác nhau.

Nếu theo Luận Tỳ-đàm, hai thông nhãn và nhĩ lấy hai thức nhãn,

nhĩ tương ứng tâm sở tuệ làm thể, vì hai thông này là dụng bên ngoài định, còn bốn thông kia lấy ý thức tương ứng tâm sở tuệ làm thể, vì định là dụng. Trong tông này, các pháp tâm, tâm sở có mặt đồng lúc nên nói tương ứng tâm sở tuệ làm thể.

Nếu theo Luận Thành Thật, lục thông đều lấy ý thức thứ sáu, tuệ trong tâm hành ấy làm thể tánh. Theo tông này, năm thức trước hoàn toàn không có trí tuệ, nên không nói lấy tuệ trong năm thức làm thể, lại theo tông ấy các pháp tâm, tâm sở khởi riêng trước sau, nên không nói lấy tuệ tương ứng làm thể của thông.

Trong pháp Đại thừa, nói thần thông của phàm phu, Nhị thừa phần lớn giống như Luận Tỳ-đàm, vì cũng nói pháp tâm khởi đồng thời, nói thần thông của Phật, Bồ-tát dùng tuệ tương ứng của ý thức làm thể, giống như Luận Thành Thật.

3. Căn cứ vào Thập nhất trí mà phân biệt: Thập nhất trí là Thập trí cộng thêm Như Thật trí. Thập trí là? Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí là bốn, Pháp trí, Tỷ trí chung với trước là sáu. Tứ đế trí trước ở tại cõi Dục gọi là Pháp trí; tại hai cõi trên gọi là Tỷ trí. Tận trí, Vô sinh trí thêm là tám, vì sáu trí trước ở quả vị Vô Học gọi là Tận trí, Vô sinh trí; Tám trí này một bề là Vô lậu. Thứ chín Đẳng trí một bề là Hữu lậu, thứ mười Tha Tâm trí chung cả hữu lậu và vô lậu. Thập trí này đã giảng rộng trong chương “Thập Trí” ở trước. Như Thật Trí là chư Phật Bồ-tát lia tăng thượng mạn, đối với tất cả pháp đều biết, biết như thật, chẳng phải không biết mà đối xứng là biết, nên gọi là Trí Như Thật.

Nếu nói về thể, như Địa Trì nói; nghĩa là Thanh tịnh trí, Nhất thiết trí, Vô ngại trí như trong chương “Tam Trí” ở trước đã giải thích đầy đủ.

Nay căn cứ vào trí này phân biệt sáu thông. Tiểu thừa; lục thông đều thuộc về Thập Trí; Đại thừa: lục thông thuộc về Như Thật Trí.

Lục thông của Tiểu thừa thuộc về thập trí, tương ấy ra sao? Như Luận Tỳ-đàm nói: “ Bốn thông là Thân thông, Thiên nhãn, Thiên nhĩ và Túc mệnh đều là Đẳng trí tánh. Chỉ có hữu lậu. Tha tâm thông đủ cả năm trí tánh, nếu biết tâm hữu lậu của tha nhân thì là Đẳng trí tánh. Nếu biết tâm vô lậu của tha nhân thì là Đạo trí, Pháp trí, Tỷ trí. Biết tha tâm vô lậu ở cõi Dục gọi là Pháp trí tánh. Biết tha tâm vô lậu ở cõi trên là Tỷ trí tánh. Biết cả trên lẫn dưới là thông Đạo với trí tánh. Biết hữu lậu và vô lậu đều thông là trí của Tha tâm, cho nên Tha tâm đủ cả Năm trí tánh.

Hỏi: Biết tha tâm vô lậu, vì sao được gọi là Đạo trí tánh ?

Đáp: Tha tâm vô lậu thể tánh là đạo, cho nên biết tha tâm được gọi là Đạo trí.

Hỏi: Nếu thế, tha tâm hữu lậu được biết đó, thể nó là Khổ Tập, thì trí năng tri vì sao không gọi là Khổ Tập trí?

Đáp: Cũng như nhau, nhưng tha tâm vô lậu được biết đó, thể tánh nhỏ nhiệm sâu cạn tương tự Đạo để kia. Biết tâm ấy thì sẽ biết đạo nên biết tâm ấy là Đạo trí tánh. Tha tâm hữu lậu sự tướng thì thô còn nghĩa lý của Khổ Tập thì vi tế, kể phàm người trí thô thì không bằng với vi tế cho nên trí biết tha tâm hữu lậu không được gọi là Khổ Tập trí. Đây là giải thích thô, cùng tột vẫn không đúng, lại phải nghiên cứu cùng tột.

Hỏi: Người biết tha tâm vô lậu là biết sự vô lậu tha tâm, hay biết cả lý bốn nghĩa Đạo Như Tích Thừa trong tâm vô lậu ?

Đáp: Chánh luận biết sự tha tâm, nếu nói biết lý, thì lý tướng thông lẫn nhau không phân biệt tự tha, làm sao được gọi là tha tâm trí.

Hỏi: Nếu biết sự tha tâm mà không duyên lý thì luận văn tự phán định: Tuy đối với thập lục hạnh trừ ám chẳng phải vô lậu, vì sao được gọi là Đạo trí?

Đáp: Nghĩa này thật khó không phải dễ, cần phải thông suốt. Chính nói về thông này khi biết tha tâm chẳng phải Vô lậu, cũng chẳng phải Đạo trí. Nhưng trong luận kia gọi là Vô lậu, vì gần Vô lậu tương tự vô lậu nên gọi là vô lậu. Lại gần vô lậu trước sau nói chung nên gọi là Vô lậu. Lại nói đó là Đạo trí, lại cũng vì gần Đạo quán, tương tự Đạo Quán gọi là Cụ Đạo trí. Lại nữa, gần đạo trước sau nói chung là Cụ Đạo trí. Nghĩa này ra sao?

Hễ khi muốn biết tâm vô lậu của người, thì trước phải quán lý của tướng chung Đạo Như Tích Thừa, sau mới theo đó suy lường để biết tâm người, cho nên trước sau tướng chung gọi là Đạo trí, gọi là Vô lậu. Phân biệt trước để nói sau, đây chẳng phải vô lậu cũng chẳng phải đạo trí.

Hỏi: Vì sao muốn biết sự vô lậu của tâm người khác, trước phải quán lý, rồi mới theo đó suy lường biết tha tâm, không thể nhìn thẳng biết được tha tâm?

Đáp: Lý Đạo Như Tích Thừa từ Noãn v.v... quán nhiều phải thuần thực, nghĩ tâm sẽ thấy được vô lậu, tha tâm xưa nay chưa biết, bậc A-na-hàm trở lên mới học quán, hễ muốn biết chỗ khó thì phải theo chỗ dễ, cho nên muốn biết vô lậu tha tâm trước phải quán lý, lý quán là nhân gần quyết định của việc kia, nên nói chung là Cụ Đạo trí.

Hỏi: Nếu muốn biết tha tâm vô lậu thì trước phải quán lý, từ phương tiện gần gọi là đạo trí, biết tâm hữu lậu lẽ ra cũng như thế, vì

sao không được từ phương tiện gần gọi là Khổ Tập trí?

Đáp: Không đúng. Lý quán trong Vô lậu ở trước, biết tâm ở sau, trước dễ sau khó, nên trước quán lý sau biết được tâm. Trong hữu lậu kia, phàm phu vốn có vài lần biết tha tâm, khi xưa từng biết chưa quán Khổ Tập, nay không phải từ quán Khổ Tập mà vào, vì thế không được gọi là Cụ Khổ Tập trí. Lại xưa nay nhiều lần biết tâm hữu lậu của người, biết thì dễ; mà lý khổ tập xưa nay chưa thấy. Noãn, v.v... xưa nay mới học quán, biết đó là khó. Chỗ dễ biết không thể dùng chỗ khó biết làm phương tiện, quán khổ tập không phải là nhân gần của kia, không thể nói chung là khổ Tập trí.

Ý kiến như thế, dù có lời giải thích khác đều cho đó là khó, tha tâm thông như thế.

Lậu tận thông xếp vào trí không nhất định, hoặc sáu, hoặc tám, hoặc đủ mười trí. Nếu biết lậu tận gọi là Lậu tận trí thì thuộc về sáu trí, đó là: Diệt trí, Pháp trí, Tỷ trí, Tận trí, Vô Sinh trí và Đẳng trí. Biết diệt đế ở cõi Dục là Pháp trí. Biết Diệt đế cõi trên là Tỷ trí. Biết trên và dưới gọi chung là Diệt trí. Bạc Vô học quán diệt đế gọi là Tận Trí, Vô Sinh trí. Tâm hữu lậu duyên là Đẳng trí, trừ Khổ, Tập, Đạo và Tha tâm trí, vì kia chẳng phải lậu tận. Nếu bậc Thánh Vô học Thánh tuệ dứt hết các lậu gọi là Lậu tận trí thuộc về tám trí tánh. Trừ Đẳng trí và Tha tâm trí, Đẳng trí không thể dứt hết kiết sử nên trừ Đẳng trí, bậc Vô học dứt cầu không tìm tha tâm nên trừ Tha tâm, tám trí còn lại đều có khả năng dứt trừ kiết sử rốt ráo nên đủ tám trí.

Hỏi: Pháp trí vì sao có khả năng chấm dứt kiết sử rốt ráo mà nói là cụ Pháp trí?

Đáp: Diệt, Đạo Pháp trí ở cõi Dục có thể dứt hết kiết sử cõi trên mà được Vô học.

Nếu nói người lậu tận được tên Lậu tận thông thì thuộc về mười trí tánh. Tiểu thừa như thế.

Trong pháp Đại thừa thuộc về Như thật trí. Tướng ấy như thế nào?

Năm thông đầu đều thuộc về Nhất thiết trí, Vô ngại trí. Lậu tận thông, biết lậu tận gọi là Lậu tận thông cũng thuộc về Nhất thiết trí, Vô ngại trí, nếu chứng lậu tận gọi là lậu tận thông thuộc về Thanh tịnh trí.

Phân biệt theo các trí như thế.

4. Căn cứ vào thập minh phân biệt lục thông:

Kinh Hoa Nghiêm nói lục thông chia thành thập minh, nên phải theo đó phân biệt lục thông. Tướng trạng thế nào?

Tha tâm thông: Trong kinh nói: Một Tha tâm trí minh.

Túc mệnh minh là một Túc mệnh trí minh.

Bốn thông kia mỗi thông chia làm hai:

Thân thông có hai:

An trụ vô úy thần lực trí minh, chuyển biến tự tại ở mười phương, qua lại không ngại.

Chứng chủng sắc thân trí minh, hiện ra các thứ sắc thân khác nhau.

Thiên nhãn chia làm hai:

- Thiên nhãn trí minh, chiếu soi rõ ràng sắc tượng hiện tiền.

- Tận mé vị lai kiếp trí minh, biết rõ vị lai chết đây sinh kia.

Thiên nhĩ chia làm hai:

- Thiên nhĩ trí minh, nghe được tiếng từ xa.

- Vô lượng chủng chủng âm thanh trí minh, biết rõ tất cả lời nói, âm thanh khác nhau của chúng sinh.

Lậu tận chia làm hai:

- Như thật trí minh, chứng thật tánh các pháp, dứt hết các lậu.

- Diệt định trí minh, biết rõ pháp diệt tận của Ba thừa.

Đây căn cứ vào thập minh phân biệt.

5. Căn cứ hai giải thoát:

Hai giải thoát: Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Kinh nói giải thoát có hai loại:

Dứt trừ ái kết định tâm tự tại, gọi là Tâm giải thoát; dứt bật vô minh, trí tuệ vô ngại gọi là Tuệ giải thoát. Nên kinh nói: “Dứt si thì tuệ sáng, trừ ái thì tâm giải thoát”. Duy-ma nói: “Dứt hẳn si ái sinh ra sáng suốt và giải thoát” cũng chính là nghĩa này. Trong đây lục thông đều thuộc về Tuệ giải thoát là trí tuệ; Tâm giải thoát là chỗ y cứ của sáu thông, nhân của sáu thông chẳng phải chánh thể của thông.

Như kinh Niết-bàn nói: “Dứt trừ tất cả tánh kiết sử phiền não, chân tâm ra khỏi ngăn chướng gọi là Tâm giải thoát”. Văn kinh ấy nói: “Tham dục sân si dứt trừ hẳn, gọi là Tâm giải thoát”. Nên biết dứt trừ tánh kiết sử phiền não là tâm giải thoát. Lại kinh ấy nói: “Tâm này bản tánh không hòa hợp với tham dục sân si, ví như mặt trời, mặt trăng tuy bị khói mây, bụi mờ v.v... che phủ nhưng không hòa hợp với chúng. Do không hòa hợp nên chư Phật, Bồ-tát phá hẳn tham dục gọi là Tâm giải thoát”. Cho nên biết chân tâm ra khỏi chướng phiền não gọi là Tâm giải thoát. Cắt đứt sự vô tri, đối tất cả pháp soi thấy không ngăn ngại gọi là Tuệ giải thoát. Nên kinh ấy nói: “Đối với tất cả pháp chỗ biết không

ngăn ngại, gọi là Tuệ giải thoát”. Theo nghĩa này thì sáu thông thuộc về cả hai giải thoát.

Tướng thuộc về ra sao?

Năm thông trước thuộc Tuệ giải thoát, kinh Niết-bàn nói: “Nhờ Tuệ giải thoát nên chỗ trước chưa nghe nay được nghe, chỗ trước chưa thấy nay được thấy, chỗ trước chưa đến nay được đến”. Cũng nên nói là chỗ trước chưa biết nay được biết, vì văn lược không nói. Chẳng nghe được nghe là thiên nhĩ thông; chẳng thấy được thấy là thiên nhãn thông; chẳng đến được đến là thân thông; chẳng biết được biết là hai thông Tha Tâm và Túc mệnh. Trong Lậu tận thông nghĩa gồm hai: Một là tự chứng lậu tận gọi là Lậu tận thông; thuộc về Tâm giải thoát; hai là biết tha lậu tận gọi là Lậu tận thông, thuộc Tuệ giải thoát.

Thể tánh như thế.

3. Nghĩa tu đắc được của sáu thông:

Được có hai: Một là lìa dục mà được, hai là Phương tiện mà được. Khi dứt lìa dục cõi hạ được thiên cõi thượng thì được thần thông sở hữu của thiên, gọi là lìa dục mà được; từ tu phương tiện mà có sở đắc gọi là do Phương tiện mà được.

Theo Luận Tỳ-đàm, trong sáu thông chỉ có Lậu tận thông là do lìa dục đắc, Thiên nhãn và Thiên nhĩ chỉ là phương tiện đắc, ba thông còn lại vừa lìa dục, vừa phương tiện đắc.

Hỏi: Vì sao Lậu tận chỉ lìa dục đắc?

Đáp: Vì chỗ kiết sử dứt hết có Thánh đức vô lậu tức là thần thông, nên nói tự chứng lậu tận là lậu tận thông chỉ lìa dục đắc. Nếu biết người khác có lậu tận hay không có tận mà Lậu tận thông do tha tâm thông đó là Phương tiện. Ở đây theo một nghĩa nên lược qua không nói.

Hỏi: Vì sao Thiên nhãn, Thiên nhĩ chỉ phương tiện đắc?

Đáp: Luận Tỳ-đàm nói: Hai thông Nhãn và Nhĩ thể là vô ký, là tác dụng ngoài định không chung với định, khi dứt lìa dục cõi hạ được định cõi thượng thì không được thông này, do đó không lìa dục đắc. Sau khi được định phân biệt tu phương tiện mới được, nên chỉ Phương tiện đắc.

Hỏi: Vì sao ba thông kia vừa Ly dục đắc vừa Phương tiện đắc?

Đáp: Tánh của chúng là chung giữa thiện và định tâm, khi đoạn lìa dục cõi hạ được định cõi thượng liền được cho nên ly dục đắc. khi lìa dục cõi hạ, tuy được nhưng mới thành tựu mà không hiện tiền, không được hiện dụng làm phương tiện mới được hiện dụng cho nên Phương

tiện đắc. Như của cải ở nơi khác tuy thuộc về mình mà chẳng xài ngay được, phương tiện lấy về mới được sử dụng, kia cũng giống như thế.

Hỏi: Nếu theo Luận Thành Thật thì Lộ tận thông chỉ lia dục đắc cũng như Luận Tỳ-đàm. Còn năm thông kia chỉ phương tiện đắc. Vì sao như thế?

Đáp: Tông ấy nói: “Tất cả công đức sau khi tu đắc thành tựu không mất mới gọi là đắc”. Không có pháp chưa tu, chưa hiện mà gọi là đắc, do nghĩa này nên có thân thông, v.v... khi lia hai dục chưa gọi là đắc, sau khi tu mới đắc, nên Phương tiện đắc.

Nếu theo Đại thừa, chư Phật, Bồ-tát tự chứng lộ tận gọi là Lộ tận thông, chỉ lia dục đắc. Biết tha lộ tận và năm thông kia vừa lia dục, đắc vừa Phương tiện đắc. Vì sao?

Vì sáu thông của Đại thừa lấy như thật tuệ làm thể, thể ấy tức là định, khi dứt trừ phiền não, nội chứng tịch diệt như thật định thì được định thông, nên là lia dục đắc, khi mới tu nhờ phương tiện huân phát, tác dụng trong chân tâm sinh theo, nên nói Phương tiện đắc. Làm sao biết lục thông của Đại thừa đều chung định?

Như Duy-ma nói: “Chư Phật Như Lai thường ở trong Tam-muội đều thấy cõi Phật, không do Nhị tướng”. Thiên nhân như thế, các thông kia cũng vậy, nên đều là định, tức là định nên đều là lia dục đắc.

Hỏi: Lộ tận lia dục đắc, là lia dục ở địa nào mà được lộ tận thông?

Đáp: Chia ra làm ba:

a. Phân biệt đoạn cuối khác với đoạn đầu, lia dục Phi tướng được lộ tận thông vì lia dục cõi hạ chẳng phải lộ tận.

b. Căn cứ vào cuối nhiếp đầu: dứt trừ dục của địa Phi tướng rồi, vô lậu đối trị trong các địa cõi hạ đều thêm sáng tỏ, nhiếp chung để làm lộ tận trí thông.

c. Tùy phần nói chung, đối trong các địa tùy phần lia dục, chỗ được vô lậu đều lộ tận thông. Trong Địa Trì nói Bồ-tát có lộ tận thông.

Hỏi: Lộ tận xa lia dục đắc là lia dục cõi hạ được công đức cõi thượng? Hay lia dục cõi thượng được công đức cõi hạ? Hay đang lia dục tự địa được công đức tự địa?

Đáp: Các nghĩa này. Vì sao?

Như dứt trừ kiết sử cõi Dục được công đức vô lậu cõi Sơ thiên, như thế tất cả đều gọi là dứt trừ dục cõi hạ được công đức cõi thượng. Như dứt trừ kiết sử từ Nhị thiên đến Phi tướng được thắng phần vô lậu cõi Sơ thiên, như thế tất cả gọi là dứt trừ dục cõi thượng được công đức cõi hạ.

Thế nào thắng phần vô lậu Cõi Sơ thiên?

Theo Luận Tỳ-đàm, vô lậu Sơ thiên dứt trừ được kiết sử từ Sơ thiên đến Phi tưởng.

Luận Thành Thật và pháp Đại thừa nói vô lậu Sơ thiên dứt trừ được tất cả phiền não ba cõi ở trong đây dứt trừ được hoặc từ Nhị thiên đến Phi tưởng gọi là thắng phần vô lậu Sơ thiên. Vô lậu này cần phải dứt trừ kiết sử bậc thượng mới được những chỗ chưa được ở trước. Dứt kiết sử Sơ thiên lại được công đức vô lậu Sơ thiên, gọi là dứt trừ phiền não tự địa được công đức tự địa, tất cả như thế.

Hỏi: Tất cả lìa xa dục dắc là được đối với pháp sở đắc ở trước, hay được ở chỗ chưa được?

Nếu chỉ được đối với pháp sở đắc ở trước thì công đức vô lậu xưa nay chưa được khi lìa dục lẽ ra không được. Nếu được ở chỗ chưa được thì phạm phu khi lìa dục lẽ ra được vô lậu; Thanh văn, Duyên giác khi lìa dục lẽ ra được tất cả công đức Sơ thiên. Nếu được đầy đủ thì lẽ ra đồng với chư Phật, các địa Phật cũng như thế?

Đáp: Chỗ được lìa dục không nhất định. Hoặc có khi chỉ được pháp sở đắc ở trước, phạm phu xưa nay từng được các thiên mới được các công đức sinh từ thiên. Có khi lui sụt khởi phiền não cõi hạ mất công đức cõi thượng, sau dứt kiết sử cõi hạ lại được pháp đã mất lúc xưa. Không được vô lậu vì phạm phu đối với pháp vô lậu không có phương tiện thú hưởng. Hoặc có khi được chung cả pháp chưa đắc ở trước. Bậc Thánh khi dứt lìa kiết sử cõi hạ thì được chung cả vô lậu công đức cõi thượng, trước có phương tiện thú hưởng nên tuy là được mà mỗi thứ đều có phần hạn không được quá lượng. Vì là tiểu Thánh không được đồng với Phật.

Nghĩa này thế nào?

Nay chỉ giải thích theo Sơ thiên, các cái kia có thể biết.

Trong Sơ thiên, các phẩm công đức vô lậu khác nhau vô lượng, trong đó có đủ đức Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật. Tùy chỗ phần hạn trước chưa lìa dục tạo phương tiện, sau lìa dục rồi thì được, không phương tiện thì khi lìa dục không được. Đó là Thanh văn khi lìa dục chỉ được công đức vô lậu của Thanh văn, không được công đức vô lậu các bậc khác. Tất cả Như thế. Lại công đức và chương của Sơ thiên có ba thứ:

- Chương cõi hạ, phiền não cõi Dục, chương công đức Sơ thiên.
- Chương tự địa, phiền não Sơ thiên chương công đức Sơ thiên.
- Chương cõi thượng, tất cả phiền não Nhị thiên trở lên chương

công đức Sơ thiền.

Trong chương cõi hạ thô tế có nhiều vô lượng. Thanh văn dứt trừ thô được công đức phẩm thô trong Sơ thiền, bậc Duyên giác đoạn trừ dần phần tế, sở đắc dần thù thắng, cho đến chư Phật dứt trừ cùng tận, được chỗ tốt cùng. Trong chương tự địa, phẩm cũng nhiều vô lượng, Thanh văn dứt trừ phần thô được thô phẩm công đức trong sơ thiền, Duyên giác chuyển tế chỗ đắc dần cao siêu, đến Phật mới cùng tận, chỗ đắc mới tốt cùng. Trong chương cõi thượng phẩm cũng nhiều vô lượng, tùy phần dứt trừ chỗ đắc mỗi khác nhau. Sơ thiền như thế các thiền kia cũng thế. Do nghĩa này nên lià dục, tuy đắc chỗ chưa đắc ở trước, không đồng với Phật.

Hỏi: Nếu nói phiền não Sơ thiền làm chương công đức Sơ thiền, kiết sử Nhị thiền trở lên đến Phi tướng cũng làm chương công đức Sơ thiền, Bồ-tát Thập địa thì chương trong Sơ địa lại làm chương công đức Sơ địa chăng? Chương của Nhị địa đến Phật địa cũng làm chương công đức Sơ địa chăng?

Giải thích: Có đồng dị.

- Nói về dị: Tám thiền là chỗ sinh, được công đức vô lậu sinh trong Sơ thiền địa có công năng dứt trừ tất cả phiền não ba cõi, từ phiền não bị dứt nhìn về chỗ năng đoạn đồng có nghĩa chương. Các thiền khác cũng như thế. Chỗ dứt trừ chương tu phần hạn khác nhau trong Thập địa: Giải thoát của Sơ địa không thể dứt trừ chương của Nhị địa cho đến chương của Phật địa. Do không dứt nên chương Nhị địa cho đến chương Phật địa không chương Sơ địa, các địa khác cũng như thế. Như giải thoát của Kiến đạo và giải thoát của Tu đạo không đối trị tạp.

Hỏi: Thập Địa là chỗ dứt đắc, có thể dứt trừ lỗi ở cõi hạ được công đức cõi thượng, tám thiền đã chẳng phải là chỗ dứt trừ đắc, khi lià lỗi cõi hạ lẽ ra không được công đức của thiền cõi thượng.

Đáp: Tịnh thiền là chỗ dứt trừ đắc đồng với Thập địa nên lià dục cõi hạ được công đức cõi thượng. Từ Tịnh nhìn về Vô lậu là chỗ sinh đắc nên nương vào vô lậu phát từ thiền cõi hạ có công năng dứt trừ tất cả phiền não tự địa và thượng địa, khi dứt kiết sử ấy được công đức vô lậu hạ địa, dù cho dùng các thiền khác dứt phiền não cõi thượng cũng được công đức vô lậu cõi hạ. Vì đồng trị tu nên không đồng với Thập Địa mỗi vị mỗi vị dứt trừ riêng biệt.

Nghĩa dị là như thế.

- Nói về Đồng: Vị Thập Địa, trong pháp mỗi giai vị thô tế trên chương vô lượng, hãy nói về Sơ địa, các địa khác cũng vậy. Trong Sơ

địa chướng thô phẩm khi tịnh tâm dứt được công đức phẩm thô của Sơ địa, chỗ vi tế khi Nhị địa dứt được thì công đức dần cao hơn trong Sơ địa. Chướng ngại từ Sơ địa đến Phật, cho đến công đức sở đắc đến Phật mới tận cùng. Vì chướng ở Sơ địa các địa cùng đoạn nên sở đoạn chướng của các địa đồng với chướng Sơ địa. Các địa khác cũng như thế. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Một địa Bồ-tát nhiếp khắp công đức của tất cả các địa”.

Nghĩa tướng đương chỗ này.

Ở đây nhìn về pháp vị đồng với thiền địa.

Hỏi: Trước nói Lưu tận trí thông là lìa dục đắc, tướng lìa ra sao?

Đáp: Như trong chương Đoạn kết trước đã nói đủ, không lặp lại.

Hỏi: Luận Tỳ-đàm nói thân thông v.v... cũng lìa dục mà đắc, các dục được lìa và những điều chướng ngại của thân thông là đồng hay khác?

Đáp: Không đồng, dục được lìa nhiễm ô phiền não, chướng ngại của thông là không nhiễm ô vô tri. Lại khi dứt lìa dục ấy là được thiền, được thân thông. Còn khi dứt trừ chướng ngại của chướng thông chỉ được thông. Lại dục được lìa nghiêng về thân thông. Tha tâm, Túc mệnh, chướng của thông bao gồm cả năm thông. Lại nữa, dục ấy dứt trừ, được thân thông gọi là lìa dục đắc, còn chướng của thông khi dứt trừ được thông gọi là phương tiện đắc, vì thế hoàn toàn khác nhau.

Hỏi: Các trệ ngại này, trong năm trụ hoặc thuộc về trụ nào?

Đáp: Có hai nghĩa:

- Phân ra thô khác tế: Là phiền não quyến thuộc Bốn trụ chẳng phải vô minh địa. Vô minh trụ địa Nhị thừa chẳng dứt. Chướng ngại của thông thì phạm phu, Nhị thừa có khả năng dứt trừ.

- Nhiếp ngọn về gốc: Là bất nhiễm vô tri trong vô minh, nếu là vô minh thì phạm phu, Nhị thừa đâu thể dứt trừ, theo chỗ học mà ngăn, không thể lìa hẳn nên không gọi là Dứt.

Lại hỏi: Chướng ngại này, trong ba cõi, chín địa thuộc địa nào?

Đáp: Chướng ngại này không đồng nhiễm hoặc, định thuộc các địa, mà các địa này tâm chướng ngại ở cõi Dục cho đến Tứ thiền, ở các địa này vì có chướng ngại, lại theo các địa này mà có thô tế.

Hỏi: Trước nói năm thứ Thân thông, v.v... đều là Phương tiện đắc. Phương tiện ra sao?

Đáp: Năm thông nương vào bốn thiền căn bản mà tu tập, nên Tạng Tâm nói: “Năm thông ở tại bốn thiền căn bản chẳng phải các định khác”. Vả lại, theo Sơ thiền để nói tướng tu các thông, các loại khác có thể tự biết.

Tu tập thân thông có ba thứ đạo:

- Phương tiện Đạo: Trước nhập Sơ thiền căn bản định tâm, đây là chỉ. Sau khởi tưởng bay bổng qua lại, hoặc tưởng chuyển biến lớn nhỏ, đây tức là quán. Trở lại nhập vào định lại khởi các tưởng bay bổng qua lại... như thế nhiều phen. Đây là Thân thông phương tiện đạo.

- Vô ngại đạo: Do năng lực huân phát của phương tiện trước nhập định phát tuệ, một vô ngại đạo dứt trừ các chướng ngại của thân thông.

- Giải thoát đạo: Giải thoát đạo sau vô ngại đạo chứng trừ các chướng kia, từ đây về sau muốn làm những gì như tâm tưởng ở trước liền có thể làm, thân thông như thế.

Tha tâm thông cũng có ba thứ đạo.

- Phương tiện đạo: Cũng trước nhập định, kế quán tâm người, khác suy lường tâm ấy, như thế nhiều phen, gọi là Phương tiện đạo.

- Vô ngại đạo: Do phương tiện trước có năng lực huân phát, nhập định phát tuệ, một vô ngại đạo dứt trừ chướng ngại của thân thông.

- Giải thoát đạo: Một giải thoát đạo sau Vô Ngại, đạo dứt trừ chướng kia, sau đó muốn biết tâm người sẽ biết được.

Tu Túc mệnh thông cũng có ba thứ đạo.

Phương tiện đạo: Trước nhập định Sơ thiền căn bản, tức là dừng nghĩ. Sau khởi tâm tưởng tìm nhớ lại việc đã qua, từ xa đến gần thứ lớp mà tìm, trở lại nhập định, nhiều phen như thế. Đây là thân thông phương tiện đạo.

Vô ngại đạo.

Giải thoát đạo: đều giống như trước.

Tu Thiên nhãn thông, theo Luận A Tỳ-đàm chỉ có hai.

- Phương tiện đạo: Trước nhập định, kế giữ gìn các tướng sáng như mặt trời, mặt trăng, ánh sáng đen, v.v... khởi tưởng thấy xa, trở lại nhập vào định, như thế nhiều phen nên rất thuần phục.

- Vô ngại đạo: Do năng lực huân phát của phương tiện trước nhập định phát tuệ, một vô ngại đạo dứt trừ chướng ngại của thông. Về sau xuất định muốn thấy thì thấy ngay.

Kia nói Thiên nhãn là vô ký, nên trong định không có Giải thoát đạo. Nếu theo Luận Thành Thật và Pháp Đại thừa, thì Thiên nhãn là thiện chung với định tâm, tu tập như thế có Giải thoát đạo, đồng với Thân thông v.v... ở trước.

Tu Thiên nhĩ thông, theo Tỳ-đàm cũng có hai:

Phương tiện đạo: Trước nhập định, kế giữ các tiếng tăm khởi tướng khi nghe từ xa trở lại nhập vào định nhiều phen như thế, làm cho

thuần phục.

Vô ngại đạo: Do năng lực huân phát của phương tiện trước nhập định phát tuệ, vô ngại đạo dứt trừ chướng ngại thông bát, sau khi xuất định muốn nghe liền nghe. Không có giải thoát đạo, giống như Thiên nhân. Thành Thật và Đại thừa cũng có Giải thoát đạo, giống như Thiên nhân ở trước.

Hỏi: Các thông có lìa dục đắc và phương tiện đắc, hai sở đắc này có rộng hẹp chăng?

Giải thích có ba nghĩa:

- Phân biệt lìa dục đắc hẹp, phương tiện đắc rộng. Lìa dục đắc chỉ được pháp sở đắc đã từng được, các thần thông thắng diệu ở trước chưa được đều do phương tiện tu hiện tại mà được.

- Lìa dục đắc rộng, Phương tiện đắc hẹp. Lìa dục kia, đối với pháp sở đắc sở đắc từ vô thủy đến nay đã từng được, tất cả đều đắc. Phương tiện kia, ở đời hiện tại năng nhập mới đắc, chỗ không nhập thì không đắc.

- Lìa dục và phương tiện, sở đắc đồng nhau. Chư Phật và các Đại Bồ-tát theo chỗ sở đắc của lìa dục đều có thể hiện nhập. tu đắc cũng như thế.

4. Nghĩa không đồng nhau giữa Đại thừa và Tiểu thừa:

Không khác nhau có năm:

1. Thể tánh khác nhau: Lục thông đều dùng trí tuệ làm thể, Lục thông của Tiểu thừa dùng tâm sở tuệ trong sự thức làm thể. Trong pháp Đại thừa, khi mới tu dùng tâm sở tuệ trong Sự thức làm thể, ngoài tâm có pháp, tự tại trong ấy gọi là Thông. Kế đến tu dùng tuệ trong vọng thức kia làm thể, thấy tất cả pháp do từ tâm khởi, ngoài tâm không có pháp trong tự tâm mà pháp vô ngại tự tại. Sau cùng thành tựu thì dùng Thật tuệ trong Chân thức làm thể, thấy pháp là chân, đối với pháp tự thể chân thật được vô ngại tự tại.

2. Duyên tâm khác nhau: Tiểu thừa lục thông hễ có chỗ hành động đều phan duyên phân biệt không thể không phan duyên. Trong pháp Đại thừa, mới tu có duyên, kế đến tu dứt trừ duyên không thể không duyên, sau cùng thành tựu bình đẳng không duyên như mặt trời chiếu khắp mà không phân biệt, tất cả việc làm do năng lực pháp mà làm, đều không khởi tâm.

3. Thường, vô thường khác nhau: Sáu thông của Tiểu thừa vô thường sinh diệt. Sáu thông của Đại thừa ban đầu vô thường, sau cùng

chân thường, chẳng thấy hưng phế thể thường chẳng thay đổi.

4. Y định khác nhau: Sáu thông của Tiểu thừa nương vào sự việc có định, trong sự trụ tâm là sự định. Sáu thông của Đại thừa ban đầu nương vào sự định, kế là nương vào lý định, phá tướng trụ nơi không là lý định. Sau cùng thành tựu ở chân thật tự thể tịch định, chân tâm tánh tịch là thể định. Trụ trong định này tâm không lay động, pháp lực Tam-muội tự nhiên hiện dụng. Lại, trong Tiểu thừa, năm thông trước chỉ vào nương định của Tứ thiền căn bản mà khởi, Lộ tận thông nương vào Tứ thiền, Vị lai, Trung gian và ba Vô sắc. Đại thừa mới tu đồng với Tiểu thừa, sau cùng thành tựu nương tất cả thiền đều khởi. Lại, các Thanh văn hễ nương định nào, thì nhập thần thông vào các định khác đều không thể khởi dụng. Chư Phật, Bồ-tát thì không phải như thế, tùy theo nương vào định nào thì thần thông phát ra vào các định khác đều khởi dụng. Như Ngài Long Thọ đã nói.

5. Tác dụng khác nhau:

Sáu thông nói riêng:

Trong Thân thông, có mười thứ khác nhau:

- Trên dưới khác nhau: Thanh văn, Duyên giác nương Sơ thiền, thần thông phát ra chỉ đạt Sơ thiền không thể đạt đến các địa trên, vì giới hạn giai vị. Các định khác cũng thế chỉ đạt đến tự địa không thể vượt hơn. Chư Phật, Bồ-tát thì không như thế, nương Sơ thiền phát ra thần thông đạt đến tất cả địa, các định khác cũng thế.

- Rộng hẹp khác nhau: Như Địa Trì nói, hàng Thanh văn hai ngàn cõi nước là cảnh giới thân thông, Duyên giác thì ba ngàn cõi nước cũng là cảnh giới thân thông. Lại Ngài Long Thọ nói: “Tiểu Thanh văn hạng trung không tác ý, một ngàn cõi nước là cảnh giới thần thông, nếu tác ý là hai ngàn cõi nước cũng là thần thông. Đại Thanh văn hạng trung không tác ý hai ngàn cõi nước là cảnh giới thần thông, nếu tác ý là ba ngàn cõi nước cũng là cảnh giới thần thông. Duyên giác Bạc trung có Đại và có Tiểu, tiểu Duyên giác không tác ý hai ngàn cõi nước, là cảnh giới thần thông, nếu tác ý thì ba ngàn cõi nước cũng là cảnh giới thần thông. Đại Duyên giác không nói tác ý hay chẳng tác ý đều lấy Tam thiên đại thiên quốc độ làm cảnh giới thần thông. Đây là hẹp. Chư Phật, Bồ-tát lấy tất cả thế giới tất cả chúng sinh làm cảnh giới thần thông, nên gọi là rộng.

- Nhiều ít khác nhau: Thanh văn, Duyên giác có một tâm, một khởi niệm không thể có nhiều. Chư Phật, Bồ-tát cùng lúc hóa hiện tất cả các sắc tượng ở thế giới mười phương, và cùng lúc có thể hiện thân

trong năm đường.

- Đại tiểu khác nhau: Thanh văn, Duyên giác hóa hiện thân lớn không thể vào thân nhỏ, hóa hiện thân nhỏ không thể dung vào thân lớn. Chư Phật, Bồ-tát hóa hiện thân lớn đầy khắp Tam thiên, có thể đem thân lớn vào một hạt bụi, lại chư Phật, Bồ-tát hóa hiện thân nhỏ như cát bụi, có thể dùng thân nhỏ dung thọ tất cả, chư Phật Bồ-tát đối với thế giới vật sắc có thể đem lớn vào nhỏ, nhỏ chứa được lớn. Hàng Nhị thừa không thể được.

- Mau chậm khác nhau: Thanh văn, Duyên giác muốn đến chỗ xa thời gian lâu mới đến vì không được thần thông như ý. Chư Phật Bồ-tát chỉ trong một niệm có thể đến các thế giới ở mười phương, vì được thần thông như ý.

- Hư thật khác nhau: Chỗ hóa hiện của Thanh văn Duyên giác thì tất cả cảnh giới chỉ tương tự mà không được thật dụng, chư Phật Bồ-tát có hóa hiện gì đều được thật dụng, Luận Địa Trì nói.

- Sở tác khác nhau: chư Phật Bồ-tát hóa hiện vô lượng người, mỗi mỗi đều có tâm, hễ làm một việc gì đều khiến người dễ hiểu, Hàng Nhị thừa không thể được.

- Sở hiện khác nhau: chư Phật, Bồ-tát chỉ hiện một thân để người dễ thấy, chỉ phát một âm thanh làm cho người dễ nghe, an trụ một cõi, mười phương đều hiện. Nhị thừa không thể như vậy.

- Căn dụng khác nhau: Như kinh Niết-bàn nói: “Phật, Bồ-tát sáu căn sử dụng lẫn nhau, Nhị thừa không thể làm được”.

- Tự tại khác nhau: Như kinh Niết-bàn nói: “Chư Phật, Bồ-tát làm việc thân tâm tự tại không bị lôi kéo, thân hiện lớn tâm cũng không thấy lớn, thân hiện nhỏ tâm cũng không thấy nhỏ, thân hiện vui mừng tâm không thấy vui mừng, thân hiện buồn tâm cũng không buồn”.

Tất cả như thế.

Nhị thừa không được như vậy.

Thần thông như thế.

Thiên nhĩ thông khác nhau: có sáu:

- Trên dưới khác nhau: Thanh văn, Duyên giác nương Sơ thiên được thiên nhĩ, chỉ nghe âm thanh từ Sơ thiên trở xuống, không nghe thấu cõi trên. Các thiên khác cũng như thế, chỉ nghe tự địa không vượt hơn. Chư Phật, Bồ-tát nương vào thiên nào mà được thiên nhĩ, nghe tất cả các âm thanh.

- Rộng hẹp khác nhau: Y theo phần trước sẽ hiểu.

- Đốn biệt khác nhau: Thanh văn, Duyên giác đối với các âm

thanh khi nghe thấy riêng biệt không thể cùng một lúc. Chư Phật, Bồ-tát nghe được cùng một lúc.

- Thô tế khác nhau: Luận Địa Trì nói: “ Cho đến âm thanh cực nhỏ nhiệm chư Phật, Bồ-tát đều nghe, Nhị thừa không thể nghe”.

Mau chậm khác nhau: chư Phật, Bồ-tát đối với các âm thanh, khởi tâm liền nghe. Nhị thừa không thể, phải tạo nhiều phương tiện mới được nghe biết.

- Hư thật khác nhau: chư Phật, Bồ-tát đối với các âm thanh được nghe không sai lầm, Nhị thừa không được như vậy, khi nghe có sai lầm.

Thiên nhĩ như thế.

Tha tâm thông khác nhau có bảy:

- Thượng hạ khác nhau: Theo Luận Tỳ-đàm có ba trường hợp không biết tha tâm.

Trường hợp về cõi người: Người cõi dưới không biết tâm người cõi trên.

Trường hợp về căn cơ: Người độn căn không biết tâm người lợi căn.

Trường hợp về cõi đất: Người ở hạ thiên không biết tâm người ở thượng thiên. Luận Thành Thật chỉ nói về cõi người và căn cơ, không nói cõi đất. Luận Thành Thật nói như Pháp Đại thừa. Pháp Đại thừa nói Chư Phật, Bồ-tát nương cõi hạ phát thần thông, cũng có thể biết tâm người cõi thượng.

- Rộng hẹp khác nhau: Thanh văn, Duyên giác biết tột cùng, chỉ biết tâm chúng sinh trong một thế giới Tam thiên. Chư Phật, Bồ-tát có khả năng biết tất cả.

- Đốn biệt khác nhau: chư Phật, Bồ-tát một lúc có thể biết rõ tâm, tâm sở của tất cả chúng sinh. Nhị thừa không được.

- Thô tế khác nhau: Thanh văn, Duyên giác chỉ biết tâm thô của phàm phu và Tiểu Thánh nhưng không biết tâm vi tế. Chư Phật Bồ-tát hiểu biết sâu kín, cho đến tâm Phật cũng biết.

- Mau chậm khác nhau: chư Phật, Bồ-tát đối tất cả tâm muốn biết liền biết. Nhị thừa không được như vậy, phải tạo nhiều phương tiện mới biết.

- Hư thật khác nhau: chư Phật, Bồ-tát hiểu biết không lầm, Nhị thừa hiểu biết không được như thế.

- Thời phân khác nhau: Thanh văn, Duyên giác chỉ biết tâm chúng sinh hiện tại. Chư Phật, Bồ-tát biết được tâm chúng sinh ba đời.

Tha tâm như thế.

Thiên nhân thông khác nhau, có mười:

- Thượng hạ khác nhau: Thanh văn, Duyên giác nương theo bất cứ thiên nào đều được Thiên nhân, đồng thấy tự địa, không thể thấy ở cõi trên, chư Phật, Bồ-tát thấy tất cả.

- Rộng hẹp khác nhau.

- Đốn biệt khác nhau, giải thích y như trước.

- Thô tế khác nhau: chư Phật, Bồ-tát chỗ thấy nhỏ nhiệm cho đến vật chất nhỏ như hạt bụi gắn với hư không, tất cả đều thấy, Nhị thừa không thể như vậy.

- Mau chậm khác nhau:

- Hư thật khác nhau. Tương tự như trước

- Thời phân khác nhau: Thanh văn, Duyên giác có khả năng thấy xa từ đời vị lai trong việc tám muôn kiếp. Chư Phật, Bồ-tát thấy tột cùng mé sau.

- Tự tha khác nhau: Như kinh Niết-bàn nói: “Thanh văn, Duyên giác chỉ thấy sắc bên ngoài không thấy mắt của mình. Chư Phật, Bồ-tát có khả năng thấy được mắt mình”.

- Thấy pháp khác nhau: Như kinh Niết-bàn nói: “Chư Phật, Bồ-tát có Thiên nhân thấy được các sắc niệm niệm sinh diệt và thấy mình và người các xương cốt bất tịnh. Nhị thừa không thể như vậy”.

- Biết căn cơ khác nhau: Như kinh Niết-bàn nói: “Chư Phật, Bồ-tát thấy hình dáng người liền biết căn cơ mau chậm, trình độ cao thấp”.

Nhị thừa không thể.

Thiên nhân bất đồng khác nhau như thế.

Túc mệnh thông khác nhau có tám:

- Thượng hạ khác nhau: Thanh văn, Duyên giác nương bất cứ thiên nào đều được Túc mệnh thông, chỉ biết tự địa và túc mệnh chúng sinh ở cõi dưới, không thể biết cõi trên. Chư Phật, Bồ-tát đều biết tất cả.

- Rộng hẹp khác nhau.

- Đốn biệt khác nhau: Theo như trước rất dễ biết.

- Thô tế khác nhau: chư Phật, Bồ-tát đối với việc quá khứ rất nhỏ nhiệm đều biết, Nhị thừa không thể biết.

- Mau chậm khác nhau: Chư Phật, Bồ-tát đối với việc quá khứ khởi tâm liền biết. Nhị thừa không thể.

- Hư thật khác nhau: chư Phật, Bồ-tát biết không lầm, chẳng như Nhị thừa.

- Thời phân khác nhau: Nhị thừa xa nhất chỉ biết việc trong tám muôn kiếp, chư Phật, Bồ-tát thấy biết không cùng tận.

Hỏi: Kinh nói vị tiên Ca-tỳ-la có thể biết việc quá khứ trong tám muôn kiếp, việc vị lai cũng thế. Thanh văn, Duyên giác đã là bậc Thánh, sự hiểu biết lẽ ra phải xa hơn, vì sao đồng với kia?

Đáp: Ở đây dùng trí thế tục để biết, trong thế tục người lợi căn nhiều phen huân tập hiểu biết sâu rộng, độn căn ít huân tập sự biết sẽ thấp kém, không phân biệt phàm Thánh.

- Tự tại khác nhau: Như kinh Địa Trì nói, chư Phật, Bồ-tát tự biết túc mệnh, biết túc mệnh của người, có thể khiến người biết túc mệnh của mình, có thể khiến người tự biết túc mệnh của họ, có thể khiến người biết túc mệnh người khác, cho đến khiến các chúng sinh khác lần lượt cùng biết túc mệnh nhau.

Nhị thừa thì không thể.

Túc mệnh bất đồng khác nhau như thế.

Lậu tận thông có hai loại: Một là biết lậu tận của người, gọi là Lậu tận thông; hai là tự chứng lậu tận gọi là Lậu tận thông.

Biết lậu tận của người (tri tha lậu tận) khác nhau có bảy:

- Thượng hạ khác nhau: Thanh văn, Duyên giác chỉ biết tự địa và lậu tận cõi dưới, không thể biết cõi trên. Chư Phật, Bồ-tát tất cả đều biết.

- Rộng hẹp khác nhau: Thanh văn, Duyên giác biết lậu tận của người trong một thế giới, chư Phật Bồ-tát biết hết tất cả.

- Đốn biệt khác nhau: Thanh văn, Duyên giác duyên khác nhau, biết khác nhau. Chư Phật, Bồ-tát cùng lúc biết ngay.

- Thô tế khác nhau: Thanh văn, Duyên giác hiểu biết thô thiển. Chư Phật, Bồ-tát hiểu biết vi tế sâu xa.

- Mau chậm khác nhau: chư Phật, Bồ-tát không nhờ phương tiện, khởi tâm liền biết. Nhị thừa không thể như thế.

- Hư thật khác nhau: Thanh văn, Duyên giác hiểu biết còn sai lầm, chư Phật, Bồ-tát hiểu biết chân thật.

- Thời phân khác nhau: Thanh văn, Duyên giác biết chúng sinh lậu tận ở hiện tại, không biết quá khứ, vị lai. Chư Phật, Bồ-tát tất cả đều biết.

Tri tha lậu tận khác nhau.

Tự chứng lậu tận khác nhau, có ba:

- Chứng pháp khác nhau: Thanh văn, Duyên giác chứng pháp thô thiển, chỉ được nhân không. Chư Phật, Bồ-tát chỗ chứng sâu xa, biết cả

nhị không và chứng rất sâu Như Lai tạng tánh.

- Trừ chướng khác nhau: Thanh văn, Duyên giác chỉ dứt tứ trụ, chư Phật Bồ-tát dứt cả ngũ trụ.

- Lấy bỏ khác nhau: Thanh văn, Duyên giác được vắng lặng thì thủ chứng. Chư Phật, Bồ-tát được vắng lặng không trụ, được đại Niết-bàn không bỏ thế gian, không bỏ thế gian mà thường ở Niết-bàn.

Đại tiểu bất đồng khác nhau như thế.

5. Phân biệt tam tánh:

Tam tánh là thiện, ác, vô ký. Trong sáu thông, lậu tận thông với thể tánh chỉ có thiện, năm thông còn lại nói chung có bốn:

Báo thông: Các vị trời có phước báo được năm thông như trên, tất cả như thế.

Dược thông: Như các vị tiên nhờ năng lực của thuốc nên bay đi tự tại.

Chú thông: Như Ba-la-nại có Bà-la-môn dùng thần chú bay lên cung trời Đế-thích, biến thân thành Đế-thích v.v... hành dâm với Xá-chi (phu nhân) những việc như thế là chú thông.

Tu thông: Nương vào tu thiền được thần thông.

Ba loại trước trong bốn thứ này là vô ký, loại thứ tư không nhất định.

Theo Luận Tỳ-đàm, Tha Tâm và Túc mệnh một bề là thiện, Thiên nhãn, Thiên nhĩ một bề vô ký. Thân thông thể tánh là thiện, chỗ khởi hóa tâm là vô ký. Tha tâm, Túc mệnh tương ưng ý thức, tâm sở tuệ là thể, chung với thiền định nên tánh là thiện. Hai thức thiên nhãn, thiên nhĩ tương ưng tuệ tâm sở, tuệ dùng thông làm thể, không chung với định nên tánh vô ký. Thể của thân thông cũng là ý thức tương ưng tâm sở tuệ, chung với định tâm nên tánh là thiện. Chỗ khởi hóa tâm trước định tác ý muốn làm các việc, nhưng chỗ khởi kia hoặc tự địa, hoặc tha địa tâm, không chung với định, nên tánh vô ký.

Nếu theo Luận Thành Thật, năm thông đều dùng tuệ hành trong ý thức làm thể, đều vì lợi ích chúng sinh mà khởi tâm nên tánh đều là thiện. Cho đến hóa tâm cũng vì lợi ích chúng sinh mà khởi tâm nên tánh cũng là thiện.

Đại thừa nói thông thế tục, phần nhiều giống với Luận Tỳ-đàm, nên Địa Trì nói vô ký hóa thiền. Chư Phật, Bồ-tát thành tựu năm thông, thật tuệ làm thể, cho đến khởi lên các thứ biến hóa đều không lìa định, đều từ năng lực Tam-muội pháp môn sinh khởi, thể tánh đều là thiện.

Tam tánh như thế.

6. Phân biệt tam nghiệp:

Tam nghiệp là thân, miệng, ý. Nói cho cùng thể tánh của sáu thông đều dùng trí tuệ làm thể. Tuệ ở nội tâm đều là ý nghiệp tánh, nói theo tướng thì thuộc về ba nghiệp. Như Địa Trì nói, ban đầu Thân thông là thân nghiệp thanh tịnh. Thiên nhĩ, Tha Tâm là khẩu nghiệp thanh tịnh. Túc mệnh, Thiên nhãn là ý nghiệp thanh tịnh, Lậu tận thông luận ấy không nói. Thân thông biến hóa ở hình tướng, cho nên nói là thân nghiệp thanh tịnh. Thiên nhĩ, Tha tâm y theo đó khởi lên lời nói, cho nên nói khẩu nghiệp thanh tịnh. Thế nào là khởi nói? Do có thiên nhĩ nên nghe chánh pháp từ Phật, Bồ-tát và nghe tiếng nói của các loài chúng sinh, nương đó nói năng, nhờ tha tâm mà biết rõ tâm người, theo đó khởi nói. Do trọng hai thông này, khởi nói mạnh nên luận nói là khẩu nghiệp thanh tịnh. Túc mệnh, Thiên nhãn biết rõ việc quá khứ vị lai. Quá khứ, vị lai cách đời khó biết, chỉ có ý mới biết, cho nên nói là ý nghiệp thanh tịnh. Trong Lậu tận thông, tự chứng lậu tận, nội tâm lìa nhiễm cũng là ý nghiệp tịnh. Biết lậu tận của người gọi là lậu tận, đây cũng là biết trong tâm chúng sinh lậu hoặc đã tận hay chưa tận, nói theo đó thì như Tha tâm thông cũng là khẩu nghiệp thanh tịnh.

Tam nghiệp như thế.

7. Phân biệt ba thứ thông - minh - thị hiện:

Như Tạp Tâm nói, cả sáu đều là Thông vì không chướng ngại. Nghĩa của Minh và Thị hiện có ẩn có hiển, dùng bốn câu để nói.

1. Thị hiện mà chẳng phải Minh: Thân thông và Tha tâm, hai thông này giáo hóa lợi ích chúng sinh, sinh lòng tin rõ ràng nên gọi là Thị hiện, không thể lìa ba thứ ngu nên không gọi là Minh, ba thứ ngu dưới đây:

2. Minh mà chẳng phải Thị hiện: Thiên nhãn và Túc mạng thông. Túc mạng thông trừ ngu của mé trước, Thiên nhãn trừ ngu mé sau, nên nói là minh. Hóa độ chúng sinh sinh lòng tin không hiển bày tội cùng, nên chẳng phải thị hiện. Vì sao không hiển bày? Túc mệnh biết sự việc quá khứ, nói việc quá khứ để hóa độ chúng sinh, vì cách đời khó biết, người phần nhiều không tin, nên chẳng phải thị hiện. Thiên nhãn biết việc vị lai, nói việc vị lai hóa độ lợi ích cho chúng sinh, cách đời khó biết người cũng không tin cho nên không thị hiện.

3. Vừa Minh vừa Thị hiện: Lậu tận thông biết rõ chân đế chứng

thành lậu tận, trừ ngu chân đế nên gọi là Minh, biết lậu tận của người khác, biết chúng sinh ấy trong tâm phiền não sạch hay không sạch mà khuyến hóa, họ sẽ sinh lòng tin, sinh lòng tin rõ nên gọi là Thị hiện.

4. Chẳng phải Minh cũng chẳng phải Thị hiện: Thiên nhĩ thông không thể trừ ba thứ ngu trước nên không được gọi là Minh, dùng đây giáo hóa khiến người sinh lòng tin không thể hiển bày, nên chẳng phải Thị hiện. Vì sao không hiển bày? Thiên nhĩ tuy có thể nghe tiếng ở xa, đem nói với người, người không nghe được nên không tin nhận, nên nói không hiển bày. Lại dù cho hướng dẫn người mà dẫn lời xa xôi, muốn giáo hóa người hiện tiền mà nói lời người khác truyền lại, không phải sức mình nên phần nhiều không tin.

Minh và Thị hiện, ẩn hiển như thế, nói về Thông thì đều là Minh. Nên trong kinh Hoa Nghiêm chia lục thông ra làm mười minh, cũng là thị hiện, vì chữ Phật, Bồ-tát thị hiện đức này để hóa độ chúng sinh.

Hỏi: Túc mệnh, Thiên nhãn, Lậu tận, kinh nói là thông, lại nói là Minh, cũng gọi là tam đạt, có gì khác nhau?

Đáp: Giải thích chung thì nghĩa như nhau, trong đó chia riêng, chẳng phải khác nhau. Tướng khác như thế nào? Như Ngài Long Thọ nói: “Biết đúng tám việc quá khứ gọi là Túc mệnh thông”. Trong quá khứ ấy biết nghiệp, nhân quả, nhân duyên đạo lý gọi là Túc mệnh minh. Biết đời vị lai chết đây sinh kia, gọi là Thiên nhãn thông. Biết nghiệp, nhân quả, nhân duyên đạo lý gọi là Thiên nhãn minh. Biết thẳng lậu tận, gọi là Lậu tận thông. Không biết còn sinh gọi là Lậu tận minh. Lại biết từ Đạo đế được Diệt đế khác nhau cũng gọi là Minh. Đối với tất cả các thứ ấy biết cùng tận gọi là tam đạt.

Tận có bốn thứ:

- Biết sự, tận không sự nào không biết.
- Biết nghĩa pháp tướng nhân quả, tận không có nghĩa nào không biết.
- Biết Chân đế lý không, tận cùng các tướng đều không.
- Biết tánh, biết hết các pháp như thế đều từ bốn tánh Như Lai tạng khởi tướng tức là thật.

Tận cùng đạt bốn thứ này gọi là tam đạt, nói về thần thông cả phạm đều có, chỉ trừ Lậu tận. Về Minh thì Nhị thừa cũng có, về đạt chỉ có Như Lai. Phân biệt về Thông, Minh, Thị hiện như thế.

8. Tu thứ lớp lục thông:

Lý thật thì lục thông không có thứ lớp nhất định, nay nói thứ lớp

có ba:

1. Thứ lớp tu thành: Nói theo Phật. Khi Phật sắp thành đạo, Ma Vương Ba-tuần sợ Phật thành đạo nên đến quấy nhiễu, Như Lai lúc ấy dùng thần lực hàng phục. Do nghĩa này trước tu Thân thông. Ma đã bị hàng phục ẩn hình trong hư không, bấy giờ Như Lai không biết ở chỗ nào, phải dùng Thiên nhãn biết chỗ ở của nó, nên kế đến tu khởi Thiên nhãn. Mắt tuy thấy hình nhưng không hiểu lời nói, phải dùng Thiên nhĩ hiểu rõ lời nói, kế đến thứ ba là tu khởi thiên nhĩ. Tai tuy nghe tiếng mà không lường được tâm, không biết nội tâm là sợ hay mạnh, nên thứ tư là tu Tha tâm thông. Do thông này biết tâm kia hoảng hốt, bất an. Tuy biết hiện tâm không biết quá khứ phước đức nhiều ít. Nếu phước hơn ta thì sẽ làm chướng ngại sự thành đạo của ta. Vì biết phước quá khứ nên kế tu Túc mệnh thông. Biết ma ở quá khứ có nhân duyên có mở một đại hội Vô Già nay thọ quả báo này. Ta ở quá khứ vô lượng ức kiếp vì các chúng sinh xả bỏ thân mình, tay chân đầu mắt, tửu nã, chịu nhiều khổ não, phước ta hơn kia. Đã biết hơn nên không sợ kia làm chướng ngại, vì vậy dứt được kiết sử, chứng thành lậu tận, nên thứ sáu mình nói về Lậu tận thông. Lại Ngài Long Thọ nói: “Phật vào đầu hôm đắc một thông, một minh lại thân thông và Túc mệnh minh. Vào nửa đêm đắc một thông, một minh là Thiên nhĩ thông và Thiên nhãn minh. Vào gần sáng đắc một thông, một minh là Tha Tâm thông và Lậu tận minh”.

Hỏi: Vì sao trước đắc thông sau đắc minh?

Luận tự giải thích: Từ lục thông cầu tam minh, sử dụng công lực trọng yếu nên trước được thông, sau được minh.

Hỏi: Vì sao thứ lớp như thế?

Luận tự giải thích: Đầu hôm ma đến muốn quấy nhiễu, vì hàng phục nên trước khởi thân thông. Hàng phục xong rồi liền tự nghĩ, ta đối với thân này vì sao được sức mạnh như thế, liền cầu nhân đời trước, thấy quá khứ của mình tu nhiều phước lành được sức mạnh như thế, nên khởi Túc mệnh. Nửa đêm ma lui hết không thấy tăm hơi, Phật đem lòng từ niệm tất cả chúng sinh, muốn nghe tiếng họ nên cầu thiên nhĩ, đã được thiên nhĩ nghe âm thanh khổ, vui v.v... của chúng sinh trong năm đường ở mười phương, muốn thấy hình chúng nên cầu thiên nhãn. Gần sáng muốn biết vật tâm để tùy nghi giáo hóa nên cầu tha tâm, biết các chúng sinh đều muốn lìa khổ được vui liền cầu an vui, tự ta không được vui lậu tận thì không thể ban cho họ, nên cầu lậu tận.

Đây cũng là chỗ thứ lớp tu thành. Một nghĩa như thế.

2. Thứ lớp tu thành. Cũng lập thuyết theo Phật: như trong luật

nói, Phật vào đầu hôm được Túc mạng minh, vô minh chấm dứt, ánh sáng phát ra, bóng tối tiêu tan, hào quang phát sáng. Vào nửa đêm được Thiên nhãn minh, vô minh chấm dứt ánh sáng phát ra, bóng tối tiêu tan, hào quang phát sáng. Vào lúc gần sáng được Lưu tận minh, vô minh hết ánh sáng phát ra, bóng tối tiêu tan, hào quang phát sáng. Ba minh này là thứ lớp tu thành.

Được Lưu tận rồi muốn hóa độ chúng sinh, không biết chúng sinh nào cần hóa độ, phải dùng thiên nhĩ nghe các âm thanh khổ vui của chúng sinh, kể đó bèn khởi thiên nhĩ. Tuy biết chúng sinh khổ vui khác nhau nhưng kia đây cách trở khó đến giáo hóa, nên kể đó khởi thân thông. Tuy đến chỗ ấy nhưng không biết điều mong ước thì không thể trao pháp, kể đó khởi Tha tâm. Ba thứ thông sau này là thứ lớp khởi hóa.

3. Nói thẳng về thứ lớp khởi hóa: Cũng nương theo Phật dạy, muốn hóa độ người, không biết chỗ nơi trước dùng Thiên nhãn, đã thấy chỗ nơi cần đến hóa độ kể đó dùng Thân thông. Đã đến chỗ mà không hiểu lời nói, nên dùng Thiên nhãn. Tuy hiểu lời nói mà không biết căn cơ, nên dùng Túc mạng quán sát căn tánh đại tiểu. Tuy biết căn cơ quá khứ, không biết chỗ mong cầu hiện tại, nên dùng Tha tâm. Tuy biết tâm kia mà không biết trong tâm có phiền não hay không? Nên dùng Lưu tận, quán trong tâm ấy có phiền não hay không, nói pháp cho họ nghe để đối trị, khiến chứng lậu tận. Thứ lớp là như thế.

9. Y theo kinh nói về tướng:

Như Luận Địa Trì nói:

Thân thông có hai: Biến và Hóa.

Đổi thay thân hình cũ gọi là biến, việc nào cũng hiện gọi là hóa.

Biến có nhiều thứ, tóm lại là mười sáu:

Rung chuyển: Có thể rung chuyển một thế giới.

Lững lẫ: Phía trên thân phát lửa, phía dưới thân phát nước, v.v...

Sung mãn: Thân phát ra ánh sáng đầy khắp thế giới.

Thị hiện: Vì tất cả chúng Sa-môn.

Chuyển đổi phần khác: Biến đất thành nước, biến nước thành lửa,

v.v...

Tối lui: Vận hành tối lui, vô ngại tự tại.

Đại tiểu: Biến nhỏ thành lớn, lớn thành nhỏ.

Sắc tượng, nhập thân: Khiến tất cả cõi, tất cả chúng sinh vào thân mình.

Sở vãng tương tự: Hễ đến chỗ nào đều hiện giống như chúng sinh nơi ấy, âm thanh tiếng nói đều giống.

Ẩn hiển: Hiện ra rồi biến mất như thế...

Tự tại: Khiến cho chúng sinh đến đi, nằm ngồi v.v... tất cả tùy tâm.

Chượng tha thần thông: Trừ bậc trên còn tất cả đều che chượng.

Cho biện tài: Chúng sinh không biện tài hay cho biện tài.

Cho niệm: Chúng sinh mất chánh niệm thì cho chánh niệm.

Cho vui: Chúng sinh không an vui đều cho an vui.

Phát ra ánh sáng: Thân phát ra ánh sáng chiếu khắp tất cả.

Nghĩa Biến như thế.

Hóa cũng vô lượng, tóm tắt có ba:

- Hóa thân, hóa tất cả hình loại chúng sinh.
- Hóa ngữ, hóa tất cả âm thanh, lời nói.
- Hóa cảnh giới, hóa thành tất cả việc uống ăn.

Trong hóa thân lược có năm thứ:

- Hóa tự tự thân.
- Không tương tự.
- Tự tha thân.
- Không tương tự tha thân.
- Tự thân tha thân tương tự, không tương tự tất cả đều hóa.

Trong hóa ngữ có bảy:

- Diệu âm: Nói pháp âm thanh vi diệu.
- Quảng âm: Nói pháp âm thanh phát ra tất cả đều được nghe.
- Từ tự thân khởi hóa tạo ngữ ngôn, giống như tương tự tự thân

khởi.

- Từ tha thân khởi hóa tạo lời nói, giống như từ tha khởi.
- Không từ đâu khởi.
- Nói chánh pháp.
- Theo sự giáo hóa.

Như thế trong hóa cảnh tạo vô lượng việc.

Thần thông như thế.

1. Thiên nhãn, có hai:

- Thấy sắc tương hiện tại.
- Thấy vị lai chết đây sinh kia.

2. Thiên nhĩ thông: Tất cả âm thanh của chúng sinh trong sáu đường tánh, chẳng phải tánh, tiếng thô tiếng tế, thanh biện hay chẳng biện, thanh hóa chẳng hóa, tiếng xa tiếng gần, tất cả tiếng đều nghe.

3. Tha tâm thông: tất cả chúng sinh có tâm, tâm sở đều biết hết.

Hỏi: Thông này biết thẳng tâm, cũng biết sở duyên phải không?

Đáp: Theo Luận Tỳ-đàm thì chỉ biết tha tâm, không biết sở duyên, nếu biết sở duyên thì người trước mặt khởi ý phan duyên tâm ta, ta duyên theo tâm họ thì có lỗi tự tâm duyên chiếu, nên chỉ biết tâm, không biết sở duyên. Nếu theo luận Thành Thật, chính khi biết tâm thì biết cả sở duyên. Đại thừa cũng thế, nếu tâm tự duyên thì có lỗi gì?

4. Túc mệnh thông có sáu:

a/ Tự tri túc mệnh. Biết quá khứ, có tám việc:

- Tên như thế.
- Họ như thế.
- Sống như thế
- Ăn uống như thế
- Khổ vui như thế
- Sống lâu như thế
- Tồn tại lâu dài như thế
- Thọ mạng như thế.

Biết quá khứ của ta có tám việc như thế, gọi là tự biết.

b/ Tri tha. Biết chúng sinh khác có sáu việc đồng hạnh:

Tên như thế.

Họ như thế.

Sinh như thế.

Ăn uống như thế.

Thiện ác như thế.

Thọ mạng như thế.

Biết việc của người như thế, gọi là biết người. c/

Giúp cho chúng sinh biết túc mệnh của mình. d/

Giúp cho chúng sinh tự biết túc mệnh của họ. e/

Giúp cho chúng sinh biết túc mệnh của người. f/

Giúp cho các chúng sinh lần lượt biết nhau.

5. Trong Lưu tận có hai:

Bậc Thánh trí vô lậu có khả năng dứt hết các lậu gọi là lậu tận thông.

Biết lậu tận gọi là lậu tận thông.

Biết lậu tận, có bốn nghĩa khác nhau, như Địa Trì nói:

Tự biết lậu hết.

Biết người lậu hết.

Phương tiện lậu hết đã khởi đều biết như thật. Thánh đạo gọi là

phương tiện lậu hết.

Lậu tận tăng thượng mạn có khởi tâm, không khởi tâm đều biết như thật. Chưa được cho là được, đó là tăng thượng mạn.

Nghĩa lục thông nói lược như thế.

ĐẠI THỪA NGHĨA CHƯƠNG.
QUYỂN 20 (Phần Đầu)